BKG VIETNAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 07/2024/CBTT	*Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2024*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty:	Công ty Cổ phần Đầu Tư BKG Việt Nam
Mã chứng khoán:	BKG
Địa chỉ trụ sở chính:	Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại:	(024) 2283.2468
Người công bố thông tin:	Đặng Phước Đức
Chức vụ:	Trưởng ban Kiểm soát

Loại thông tin công bố: ☑ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ 24h ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

Nội dung thông tin công bố: *Báo cáo thường niên 2023*

Thông tin này được công bố trên website của BKG VIỆT NAM vào ngày 15/04/2024 tại trang web: http://bkgvietnam.com Chuyên mục: **Quan hệ cổ đông/công bố thông tin**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- TGĐ (để b/c);
- Ban KS, TC, KT;
- Lưu: VP.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

ĐẶNG PHƯỚC ĐỨC

Đính kèm: Báo cáo thường niên 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM
DN: C=VN, S=Hà Nội, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0106935814, E=ketoan@bkgvietnam.com
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024-04-15 09:17:04
Foxit Reader Version: 9.5.0

BKG VIETNAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

Công ty cổ phần đầu tư BKG Việt Nam

Tầng 4 tòa nhà HPC Landmark 105,
Tố Hữu, P. La Khê, Hà Đông, Hà Nội

024 2283 2468

NỘI DUNG CHÍNH

Thông tin tổng quan

- Thông tin chung
- Văn hóa doanh nghiệp
- Những dấu ấn trong quá trình hình thành phát triển
- Các đơn vị thành viên năm 2023
- Các chứng chỉ đạt được
- Các rủi ro trong hoạt động
- Mô hình tổ chức và bộ máy quản lý

Quản trị Công ty

- Hội đồng quản trị
- Ban Giám đốc
- Ban Kiểm soát
- Quy mô nhân sự
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư CSH

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

- Kết quả sản xuất kinh doanh
- Kế hoạch và giải pháp thực hiện
- Báo cáo tác động đến môi trường
- Một số hoạt động đối với xã hội
- Một số hoạt động đối với CBCNV

Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị

- Đánh giá chung hoạt động của Công ty năm 2023
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023
- Kế hoạch của HĐQT năm 2023

Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát

- Một số sản phẩm, dự án tiêu biểu
- Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2023

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ, cụm từ	Ngữ nghĩa
Công ty/BKG Việt Nam	: Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam
BCTC	: Báo cáo tài chính
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban Kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CP	: Cổ phần
CTCP	: Công ty cổ phần
Điều lệ Công ty	: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam
CNĐKDN	: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
HOSE	: Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
SXKD	: Sản xuất kinh doanh

Thông điệp chủ tịch HĐQT

VƯỢT QUA KHÓ KHĂN

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và tập thể cán bộ công nhân viên của **BKG Việt Nam!**

Thay mặt **BKG Việt Nam**, tôi xin gửi lời chào trân trọng và lời chúc sức khỏe, thành công đến Quý vị.

Năm 2023, vẫn là một năm khó khăn chung của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. GDP giảm sút, nợ xấu và lạm phát vẫn ở mức cao, đồng thời các xung đột địa chính trị vẫn căng thẳng dẫn đến khó khăn càng chồng chất thêm khó khăn cho các Doanh nghiệp. **BKG Việt Nam** là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, sản xuất nội ngoại thất, nông nghiệp và bất động sản nên chịu tác động rất lớn bởi các yếu tố ngoại cảnh.

Trong năm 2023, các hoạt động của **BKG Việt Nam** có thể tóm gọn như sau:

- **Hoạt động xuất khẩu nội thất:** năm vừa qua, Công ty đã mở rộng tìm kiếm và kí thêm được nhiều Hợp đồng xuất khẩu mới, do nhu cầu tiêu dùng sau dịch bệnh được phục hồi.
- **Hoạt động thiết kế, thi công lắp đặt các công trình nội địa: BKG Việt Nam** phục vụ khách hàng trong nước từ khâu thiết kế đến cải tạo, thi công lắp đặt công trình nội địa, do đó chất lượng luôn luôn được đảm bảo cho khách hàng.
- **Nông nghiệp:** sản phẩm Cam Cao Phong của **BKG Việt Nam** trong năm 2023 được khách hàng đánh giá rất cao về chất lượng, đặc biệt đảm bảo an toàn sức khỏe. Trong các năm tới, BKG Việt Nam sẽ đăng ký bảo hộ thương hiệu và tiến tới xuất khẩu sang nước ngoài.
- **Bất động sản và đầu tư:** hai dự án lớn của **BKG Việt Nam** là "Tổ hợp nhà máy sản xuất Gỗ BKG Việt Nam" rộng 24ha và dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái: Jade De MAICHAU – The Legends đang được triển khai đến các giai đoạn pháp lý cuối cùng, để đi vào triển khai xây dựng.

Mặc dù kinh tế chung trước mắt vẫn còn nhiều khó khăn, tuy nhiên tôi tin rằng với sự lãnh đạo của Ban điều hành **BKG Việt Nam** cùng với đội ngũ cán bộ công nhân viên đầy nhiệt huyết sẽ vượt qua được những khó khăn đó.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến các Cổ đông, nhân viên của BKG Việt Nam, Khách hàng và các Cơ quan đã đồng hành cùng **BKG Việt Nam** trong giai đoạn khó khăn vừa qua.

Chủ tịch HĐQT

Trần Công Thành

THÔNG TIN TỔNG QUAN

Thông tin chung

Tên tiếng Việt	:	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM
Tên tiếng Anh	:	BKG VIET NAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Logo	:	BKG VIETNAM
Trụ sở chính	:	Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, KĐT Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	024.2283.2468
Website	:	http://bkgvietnam.com
Email	:	info@bkgvietnam.com
Giấy CNĐKDN số	:	0106935814 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015, thay đổi lần 09 ngày 27 tháng 12 năm 2022.

Thông tin Niêm yết

Mã cổ phiếu	:	BKG
Ngày niêm yết	:	31/12/2020
Vốn điều lệ thực góp	:	681.999.830.000 đồng (Tại thời điểm 31/12/2023)

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Gửi gắm niềm tự hào trong từng sản phẩm

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Thiết kế, Sản xuất, thương mại nội ngoại thất, ván ghép thanh (ngành nghề chính)
Bất động sản; Nông nghiệp

ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG

Nội địa và xuất khẩu (Châu Âu, Châu Úc, Châu Á)

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trở thành tập đoàn đa ngành: đơn vị sản xuất nội ngoại thất lớn nhất miền Bắc, phát triển các dự án BĐS mang dấu ấn riêng.

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

BKG Việt Nam là tập đoàn đa ngành hoạt động trong các lĩnh vực: sản xuất và thương mại đồ gỗ nội, ngoại thất, ván ép, ván ghép thanh, thực phẩm sạch, đầu tư, bất động sản…nhằm tạo dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn cho toàn thể CBCNV, các cổ đông và cộng đồng chung.

Sự tin cậy, tầm nhìn, tính sáng tạo, năng động, niềm tự hào và sự lớn mạnh không ngừng của đội ngũ nhân viên là những yếu tố cốt lõi làm nền tảng tạo ra sản phẩm và dịch vụ ích lợi. Vì vậy, nét văn hóa doanh nghiệp luôn được BKG Việt Nam đề cao và chú trọng đó là sự tin tưởng, tôn trọng, trách nhiệm và tinh thần hợp tác:

Tin tưởng lẫn nhau

Sự tin tưởng là yếu tố thiết yếu trong việc thiết lập các mối quan hệ và điều này cũng luôn được gắn liền với mọi hoạt động trong quá trình sản xuất, kinh doanh của BKG Việt Nam.

Tôn trọng lẫn nhau

Mỗi cá nhân tự trọng và xứng đáng nhận được sự tôn trọng của mọi người, bất kể họ ở vị trí nào trong tổ chức. Đây là một giá trị được tất cả các thành viên trong Công ty tôn vinh và gìn giữ.

Có trách nhiệm

Mỗi thành viên có trách nhiệm hoàn thành công việc đã được giao phó hoặc cam kết. Để đáp lại, mỗi thành viên sẽ có thể sử dụng các nguồn tài nguyên, công cụ và được tham gia các buổi huấn luyện cần thiết để có thể thành công trong công việc. Các cá nhân phải thường xuyên tạo lập những cam kết và phấn đấu để thực hiện những cam kết đó. Ngoài ra, hành động của mỗi cá nhân cũng là một cam kết cho sự thành công của BKG Việt Nam nói chung và của từng thành viên nói riêng.

Hợp tác

Mục tiêu kinh doanh đạt được một cách tốt nhất khi tất cả mọi người cùng phối hợp làm việc. BKG Việt Nam luôn lấy con người làm trung tâm, sẵn sàng lắng nghe và chia sẻ. Đồng thời, chúng tôi coi sự đa dạng là khởi nguồn của sự sáng tạo và phát triển bền vững

TẦM NHÌN

Phát triển BKG Việt Nam thành doanh nghiệp chuyên sản xuất và cung ứng sản phẩm đồ gỗ nội – ngoại thất hàng đầu Việt Nam và phát triển tới quy mô Doanh nghiệp đa ngành nghề dựa trên nền tảng của sự sáng tạo, công nghệ, phát triển bền vững, vì lợi ích cộng đồng.

SỨ MỆNH

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, năng động, chuyên nghiệp, hiệu quả với tinh thần ***"Đoàn kết là sẻ chia"*** dưới mái nhà chung BKG Việt Nam. Tạo ra những sản phẩm tiện ích, chất lượng, an toàn cho người sử dụng, thân thiện với môi trường sống.

Phát triển bền vững vì quyền lợi của tập thể CBCNV, lợi ích của cổ đông, và trách nhiệm với cộng đồng.

Những dấu ấn trong Quá trình hình thành phát triển

10 năm thành lập và phát triển…

Năm 2015

- Thành lập Công ty (Tiền thân là Công ty Cổ phần thiết bị DTA)

Năm 2016

- Mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nội thất

Năm 2017

- Tăng vốn điều lệ lên 40 tỷ, đầu tư vào hai Công ty con chuyên về lĩnh vực sản xuất nội thất: Công ty Cổ phần Gỗ BKG và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu BKG Home

Năm 2018

- Đổi tên thành Công ty cổ phần đầu tư BKG Việt Nam.
- Sở hữu thêm Công ty con: Công ty cổ phần thực phẩm Lành Mai Châu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp gồm 10 ha trồng Cam tại Cao Phong và 35 ha tại Mai Châu, Hòa Bình
- Tăng vốn điều lệ lên 320 tỷ đồng

Năm 2019

- Được chấp thuận chủ trương dự án đầu tư: "TỔ HỢP NHÀ MÁY GỖ BKG VIỆT NAM" quy mô 24,2 ha

Năm 2020

- Được chấp thuận chủ trương dự án đầu tư: "Trồng rừng nguyên liệu bền vững". Quy mô trên diện tích 50 ha, đảm bảo nguyên liệu đầu vào gỗ keo và bạch đàn cho sản xuất
- Tháng 12 được sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí minh chấp thuận niêm yết.

Năm 2021

- Đại hội đồng cổ đông đồng ý phương án tăng vốn để đầu tư thêm vào lĩnh vực Bất động sản và thực hiện dự án "Tổ hợp nhà máy gỗ BKG Việt Nam"
- Triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý của dự án "Tổ hợp nhà máy gỗ BKG Việt nam". Hoàn thành đền bù giải phóng mặt bằng cho dự án
- Chuẩn bị triển khai dự án "Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái: Jade De MAICHAU – The Legends"
- Nộp hồ sơ tăng vốn lên 620 tỷ đồng (Đã được UBCK Nhà nước chấp thuận Quý I/2022)

Năm 2022

- Được Ủy ban chứng khoán chấp thuận tăng vốn lên 620.000.000.000 đồng để đầu tư thêm vào lĩnh vực Bất động sản và thực hiện dự án "Tổ hợp nhà máy gỗ BKG Việt Nam"

Các đơn vị thành viên năm 2023

STT	Đơn vị thành viên	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ BKG Kiểm soát	Hoạt động SXKD chính
1	Chi nhánh Công ty – Công ty Cổ phần đầu tư BKG Việt Nam		100%	Sản xuất các sản phẩm từ gỗ
2	Công ty Cổ phần Gỗ BKG	100	95%	Sản xuất các sản phẩm nội, ngoại thất
3	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu BKG Home	50	98%	Sản xuất các sản phẩm nội, ngoại thất, ván ghép thanh
4	Công ty Cổ phần Thực phẩm Lành Mai Châu	75	99%	Nông nghiệp
5	Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ (*)	50	100%	Sản xuất các sản phẩm nội, ngoại thất, ván ghép thanh, ván ép
6	Công ty Cổ phần Phát triển rừng BKG Độc Lập	50	80%	Trồng và khai thác rừng
7	Công ty CP Jade De Mai Châu	300	51,7%	Bất động sản

CÁC CHỨNG CHỈ ĐẠT ĐƯỢC

CHỨNG NHẬN FSC®

Công ty cổ phần gỗ BKG – đơn vị thành viên thuộc hệ thống BKG Việt Nam đã vinh dự đạt được chứng nhận FSC®-STD-40-004 V3-0, sau một thời gian dài cố gắng trong việc hoàn thiện hệ thống của mình để phù hợp với các tiêu chuẩn quản lý quốc tế.

Chứng nhận này cũng đồng thời là một trong những bằng chứng cho lời cam kết của BKG Việt Nam về sự phát triển bền vững, thể hiện sự vượt trội hơn so với các đối thủ cạnh tranh, giúp nâng cao hình ảnh của BKG Việt Nam trong mắt các đối tác, khách hàng.

Và những nỗ lực này sẽ tiếp tục được duy trì, đẩy mạnh hơn nữa để BKG Việt Nam chinh phục những mục tiêu mới, thách thức mới trên còn đường phát triển bền vững của mình; Duy trì tính hiệu lực, thúc đẩy nhận thức ngày càng cao trong toàn hệ thống về chất lượng, an toàn, trách nhiệm xã hội…để đạt được những giá trị mới trong thời đại mới

SGS

BKG WOOD JOINT STOCK COMPANY

Head Office: No. 87, Alley 12, Quang Trung Street, Quang Trung Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam

27 Jul 2022

Our Reference: 947047

FSC CERTIFICATE LIFTINIG SUSPENSION NOTICE: SGSHK-COC-370312

Dear Sir,

This serves to inform you that the suspension of your certificate has been lifted as from 27 Jul 2022.

If you have any questions, please contact your local SGS office or myself.

Kind regards

Marvin Lee
Senior Program Manager
SGS Hong Kong Ltd.

I hereby confirm the receipt of this letter and understand implication thereof.

Signature:
Name:
Position:
Date:

SGS Hong Kong Limited
Units 303 & 305, 3/F, Building 22E, Phase 3, Hong Kong Science Park, NT, Hong Kong
t (852) 2765 3620 / 2774 7432 f (852) 2333 2257 www.sgsgroup.com.hk

Member of the SGS Group (SGS SA)

Certificate SGSHK-COC-370312

The Organization

BKG WOOD JOINT STOCK COMPANY

Head Office: No. 87, Alley 12, Quang Trung Street, Quang Trung Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam

has been assessed and certified as meeting the requirements of

FSC™ Chain-of-Custody

The company was assessed against the following standards
FSC-STD-40-004 V3-1 - Chain of Custody Certification
FSC-STD-50-001 Requirements for use of the FSC trademarks by Certificate Holders

for the products detailed in the scope below:

Purchase of FSC 100% logs and sawn timber; Manufacture and Sales of FSC 100% indoor furniture (cabinet, tables, beds, chairs, parts of furniture, shelves) and engineered wood products (finger jointed wood and glued laminated timber) (transfer system).

This certificate is valid from 27 July 2022 until 07 January 2025 and remains valid subject to satisfactory surveillance audits.
Issue 2. Certified since 08 January 2020.

Authorised by

SGS Hong Kong Limited
Units 303 & 305, 3/F., Building 22E, Phase 3, Hong Kong Science Park, New Territories, Hong Kong
t +(852)2334 4481 - www.sgs.com

FSC
www.fsc.org
FSC® A000523

The mark of responsible forestry

This document is an authentic electronic certificate for Client' business purposes use only. Printed version of the electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document is issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on Terms and Conditions | SGS. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional clauses contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful.

Page 1 / 1

CHỨNG NHẬN BSCI

Với mục tiêu và mong muốn chứng minh rằng, sự bền vững về xã hội và đạo đức kinh doanh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trên bước đường phát triển của mình, bằng sự đoàn kết và nỗ lực của Ban điều hành và toàn thể CBCNV. Công ty Cổ phần gỗ BKG – đơn vị thành viên, trực thuộc hệ thống BKG Việt Nam chính thức đạt Chứng nhận BSCI trong kinh doanh.

BSCI (Business Social Compliance Initiative – Bộ tiêu chuẩn đánh giá tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh) ra đời năm 2003 từ đề xuất của Hiệp hội Ngoại thương (FTA) với mục đích thiết lập một diễn đàn chung cho các quy tắc ứng xử và hệ thống giám sát ở châu Âu về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Khi ký kết tuân thủ theo Bộ Quy tắc Ứng Xử BSCI nghĩa là trong phạm vi ảnh hưởng của mình BKG Việt Nam cam kết thừa nhận các tiêu chuẩn về xã hội và môi trường qui định trong Bộ Quy tắc Ứng xử này và đảm bảo trong các chính sách của mình sẽ có các biện pháp phù hợp để triển khai thực hiện và tuân thủ.

Ngoài ra, các đối tác cung ứng phải đảm bảo Bộ Quy tắc Ứng xử này cũng sẽ được tuân thủ bởi các nhà thầu phụ của mình có tham gia trong các quy trình sản xuất từ các giai đoạn bắt đầu cho đến khi sản phẩm được hoàn thành.

Đạt tiêu chuẩn qua kỳ đánh giá Amfori BSCI sẽ mở ra thêm nhiều cơ hội để BKG Việt Nam quảng bá, và đưa những sản phẩm của mình vươn tầm quốc tế.

Tuân thủ Bộ quy tắc ứng xử BSCI như một lời tuyên thệ, là bằng chứng chân thực và sắc nét, rằng, BKG Việt Nam là doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh có đạo đức nghề nghiệp, luôn quan tâm và có trách nhiệm với Người lao động, Môi trường và Xã hội; Đồng thời, sẽ duy trì và củng cố niềm tin của khách hàng và đối tác đã trao gửi; Khẳng định, những sản phẩm sản xuất tại Gỗ BKG ngày càng được theo những tiêu chuẩn đã được cam kết.

Monitoring result for BKG Wood JSC - Wood Factory on site BKG Wood JSC - Wood Factory

amfori
Trade with purpose

Monitoring

Monitored Party	: BKG Wood JSC - Wood Factory
amfori ID	: 704-000355-000
Site	: BKG Wood JSC - Wood Factory
Site amfori ID	: 704-000355-002
Address	: Km31, 6A National Road, Dong Son Industrial Area, Dong Son Commune, Chuong My District
	: Hanoi
	: Lai Châu
	: Vietnam
Monitoring Activity	: amfori Social Audit - Manufacturing
Monitoring Type	: Follow-up Monitoring
Submission Date	: 03/08/2022
Expiration Date	: 03/01/2024

This is an extract of the online monitoring result, generated on 03/08/2022, and is only valid as an acknowledgement of the result. To see all the details, review the full monitoring result, which is available here - The English version is the legally binding one.

amfori does not assume any liability with regard to the compliance of this extract, or any versions of this extract, with the Regulation (EU) 2016/679 (General Data Protection Regulation).

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the amfori consent. © amfori, 2021

Overall rating

A	B	C	D	E	None

Các rủi ro trong hoạt động

Là một đơn vị hoạt động đa ngành nghề, BKG Việt Nam sẽ có nhiều rủi ro dưới tác động các yếu tố khách quan

- **Rủi ro kinh tế và chính trị**
- **Rủi ro về pháp luật**
- **Rủi ro đặc thù**
- **Rủi ro khác**

Rủi ro kinh tế và chính trị

Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn mở cửa hội nhập mạnh với kinh tế thế giới, do vậy những ảnh hưởng của thế giới đều ảnh hưởng lan tỏa đến nền kinh tế Việt Nam. Trong năm 2022, kinh tế và chính trị thế giới xảy ra nhiều biến cố tác đọng một cách gián tiếp và trực tiếp đến Việt Nam nói chung và hoạt động của Công ty nói riêng

Để đối phó với các rủi ro vĩ mô, chính sách tài khóa và tiền tệ của Chính Phủ đặt ra cũng sẽ tác động đến hoạt động của BKG Việt Nam.

Rủi ro về pháp luật

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Vì vậy, để giảm thiểu tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo về pháp lý với các đối tác chiến lược tại các nước sở tại và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

Rủi ro đặc thù

Trong quá trình hoạt động, ngoài những rủi ro trên, hoạt động của BKG Việt Nam còn phải đối mặt với các rủi ro đặc thù như rủi ro về vùng nguyên liệu, rủi ro về thị trường...

❖ Rủi ro về nguyên liệu

Nguyên liệu chủ yếu trong sản xuất đồ nội thất của BKG Việt Nam là gỗ, chiếm 60 – 70% giá thành sản phẩm nên sự biến động giá cả nguyên liệu này sẽ tác động tới lợi nhuận của Công ty. Đặc tính trồng rừng khai thác gỗ dành cho sản xuất ngành nội thất với chu kỳ đầu tư khá dài. Vì vậy, trong những năm qua, khi nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn về vốn đầu tư trung, dài hạn, ngành trồng rừng của Việt Nam chưa đủ sức thu hút các doanh nghiệp đầu tư, thường xuyên gặp phải tình trạng khai thác non để bán cho ngành công nghiệp giấy, dẫn đến việc thiếu gỗ địa phương cho ngành chế biến và xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ Việt Nam.

❖ Rủi ro về thị trường

Hoạt động xuất khẩu sẽ có nhiều yếu tố phụ thuộc vào các điều kiện ngoại quan: chính sách nhập khẩu của nước sở tại khách hàng, chính sách áp thuế nhập khẩu chống bán phá giá, các chính sách thông quan.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn,..., nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm rủi ro cho các tài sản như nhà xưởng, phương tiện vận tải và bảo hiểm con người.

Mặt khác, yếu tố môi trường cũng tác động rất lớn đến nông nghiệp – mảng hoạt động chiếm doanh thu khá lớn của BKG Việt Nam.

Mô hình tổ chức và bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được cơ cấu phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế để đạt hiệu quả cao nhất.

Đại Hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định, thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. ĐHĐCĐ sẽ bầu ra HĐQT của Công ty.

Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT gồm có 05 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động là 05 (năm) năm.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động không quá 05 (năm) năm. BKS có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc được HĐQT bổ nhiệm gồm có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là người trực thuộc sự lãnh đạo và chịu trách nhiệm trước HĐQT, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

Chức năng các phòng ban khác hoạt động theo chức năng quy định cụ thể của Công ty

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện tại, HĐQT có 05 (năm) thành viên, chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra. Các thành viên HĐQT đều là những người có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực kĩ thuật, kinh doanh, điều hành, tài chính.

ÔNG TRẦN CÔNG THÀNH

CHỦ TỊCH HĐQT

Sinh năm: 1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm

Ông là người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, quản lý. Người đặt nền móng xây dựng và định hướng hoạt động của BKG Việt Nam trong những năm qua. Trước đó, ông từng có:

- 2 năm là chuyên viên tại Sở xây dựng Hà Tây
- 4 năm làm Kế toán trưởng tại Công ty Vật tư Xây dựng Hà Tây
- 3 năm làm Giám đốc tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Đông lạnh Việt Tân – Chi nhánh Hà Nội
- 10 năm làm Giám đốc Điều hành tại Doanh nghiệp tư nhân Thành Tâm
- 3 năm làm Giám đốc tại Công ty TNHH Đông lạnh Phú Cường

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Giám đốc, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Phú Cường
- Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Tây Bắc

ÔNG NGUYỄN VĂN HƯNG

THÀNH VIÊN HĐQT TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1987

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm

Là một trong những lãnh đạo trẻ thế hệ 8x của BKG Việt Nam, Với kinh nghiệm quản lý về tài chính và hoạt động; điều hành dày dặn, sáng tạo cùng với nhiệt huyết của tuổi trẻ, đầu năm 2019, ông được HĐQT tin tưởng bầu làm Giám đốc điều hành BKG Việt Nam. Trước đó, ông từng có:

- Hơn 9 năm làm tư vấn cao cấp khối khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tại Ngân hàng Standard Chartered và Ngân hàng TMCP Sài Gòm – Hà Nội (SHB)
- 2 năm làm Phó Giám đốc điều hành tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu KCF
- 3 năm làm Trưởng ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần đầu tư BKG Việt Nam

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Giám đốc, Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ
- Giám đốc, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Lành

ÔNG DƯƠNG TẤT THẮNG

THÀNH VIÊN HĐQT

Sinh năm: 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm:

Ông là có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh. Với sự am hiểu về thị trường tại Việt Nam, năm 2021 ông được bầu làm thành viên HĐQT để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của BKG Việt Nam. Trước đó, ông đã có:

- 4 năm làm Tổ trưởng kinh doanh máy văn phòng tại Công ty TNHH Nhất Vinh
- 4 năm làm Trưởng Phòng KD tại Công ty Cổ phần Á Long
- 6 năm làm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Mỏ và Xây dựng TST
- 4 năm làm Giám đốc Điều Hành Công ty Cổ phầ Đầu tư và thương Mại TST Việt Nam
- 5 năm làm Trợ lý cấp cao tại Công ty Cổ phần TSQ Techco

ÔNG NGUYỄN QUANG DUY

THÀNH VIÊN HĐQT

Sinh năm: 1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm:

Ông có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, điều hành quản lý doanh nghiệp. Ông là người có vai trò lớn trong việc xây dựng văn hóa kinh doanh và phát triển khách hàng cho BKG Việt Nam trong giai đoạn đầu, đặc biệt đối với thị trường xuất khẩu. Trước đó, ông đã có:

- 5 năm làm Trưởng phòng kinh doanh tại Công ty TNHH Tiến ĐộngLà thành viên HĐQT từ năm 2019 – Công ty chuyên xuất khẩu hàng hóa nội ngoại thất
- 3 năm làm Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế An Phát
- Ông từng giữ chức vụ Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế An Phát, hiện nay Ông đang làm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu KCF

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Phó Giám đốc, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu KCF
- Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Đất Mẹ - ADAMAH
- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU MIAN

ÔNG NGUYỄN MINH HẢI

THÀNH VIÊN HĐQT

Thông tin được nêu tại trang tiếp theo dưới đây

BAN GIÁM ĐỐC

ÔNG NGUYỄN VĂN HƯNG

THÀNH VIÊN HĐQT TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1987

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm

Là một trong những lãnh đạo trẻ thế hệ 8x của BKG Việt Nam, Với kinh nghiệm quản lý về tài chính và hoạt động; điều hành dày dặn, sáng tạo cùng với nhiệt huyết của tuổi trẻ, đầu năm 2019, ông được HĐQT tin tưởng bầu làm Giám đốc điều hành BKG Việt Nam. Trước đó, ông từng có:

- Hơn 9 năm làm tư vấn cao cấp khối khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tại Ngân hàng Standard Chartered và Ngân hàng TMCP Sài Gòm – Hà Nội (SHB)
- 2 năm làm Phó Giám đốc điều hành tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu KCF
- 3 năm làm Trưởng ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần đầu tư BKG Việt Nam

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Giám đốc, Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ
- Giám đốc, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Lành

ÔNG NGUYỄN MINH HẢI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1982

Trình độ chuyên môn: kĩ sư

Kinh nghiệm

Ông là người sáng lập và điều hành Công ty CP thiết bị DTA (tiền thân của BKG Việt Nam). Xuất thân là một kĩ sư, am hiểu các loại máy móc thiết bị, đặc biệt là ngành gỗ nội thất. Đầu năm 2019, ông được HĐQT tin tưởng bầu làm Phó Giám đốc BKG Việt Nam. Ông đã có nhiều đóng góp, đưa ra nhiều ý tưởng trong việc cải tiến, tăng công suất, giảm chi phí trong quá trình sản xuất cho Công ty. Trước đó, ông đã có:

- 7 năm làm Kỹ thuật viên tại Công ty Cổ phần COMA 18
- 4 năm làm Trưởng phòng kế hoạch tại Công ty Cổ phần Phúc Châu An
- 4 năm làm Giám đốc tại Công ty Cổ phần Thiết bị DTA

BAN KIỂM SOÁT

ÔNG ĐẶNG PHƯỚC ĐỨC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT,
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Sinh năm: 1992

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kiểm toán viên Bộ Tài chính

Kinh nghiệm:

Ông Đặng Phước Đức có gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kiểm toán độc lập, Kế toán và Kiểm soát. Trước đó, ông đã có:

- 5 năm làm Kiểm toán độc lập
- 3 năm làm kiểm soát viên nội bộ tại BKG Việt Nam

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Không

ÔNG TẠ QUANG DŨNG

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1990

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm:

Ông có hơn 10 năm trong lĩnh vực Kế toán, dự án và kinh doanh bán hàng, đóng vai trò quan trọng trong kiểm soát hoạt động, dự án tại BKG Việt Nam. Trước đó, ông đã có:

- 3 năm làm Nhân viên kinh doanh tại Công ty CP TMDV cơ khí Việt Yên
- 2 năm làm Kế toán tại Công ty TNHH MTV du lịch giải trí Thiên Đường Bảo Sơn
- 3 năm làm Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH in và sản xuất tem nhãn Hồ Thịnh Phát
- 3 năm làm Nhân viên dự án, trợ lý giám đốc tại Công ty TNHH MTV tư vấn thiết kế và xây dựng Sen Việt
- 2 năm làm Giám sát bán hàng tại Công ty TNHH Nabati Vệt Nam

BÀ PHAN THỊ THU HÀ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm

Bà Phan Thị Thu Hà có hơn 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán, tài chính, từng giữ chức vụ Kế toán trưởng của nhiều Công ty, tập đoàn lớn. Trước đó, bà đã có:

- 4 năm làm Kế toán viên tại Công ty Cổ phần Quốc tế Trường Xuân
- 10 năm làm Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Thảo
- 2 năm làm Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Hà Nội Milk
- 16 năm làm Kế toán trưởng tại Tập đoàn Bảo Sơn

QUY MÔ NHÂN SỰ

Tính hết năm 2023, BKG Việt Nam có gần 200 cán bộ, công nhân viên ở các đơn vị thành viên

Số lượng lao động theo loại hợp đồng lao động

STT	Loại hợp đồng	Số lượng	Tỷ lệ
1	HĐLD không xác định thời hạn	150	75%
2	HĐLĐ xác định thời hạn (dưới 1 năm)	40	20%
3	HĐLĐ thử việc	10	5%
	Tổng cộng	**200**	**100%**

Số lượng lao động theo trình độ

STT	Trình độ	Số lượng
1	Thạc sỹ	1
2	Đại học	25
3	Cao đẳng- trung cấp	5
4	Công nhân đã qua đào tạo	169
	Tổng cộng	**200**

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tại 31/12/2023, BKG Việt Nam niêm yết 68.199.983 cổ phiếu tại HOSE, tương ứng vốn điều lệ 681.999.830.000 đồng (Sáu trăm tám mốt tỷ, chín trăm chín chín triệu, tám trăm ba mươi ngàn đồng chẵn).

Trong đó, cổ đông lớn gồm có:

Cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
Ông Trần Công Thành	12.650.000	18,55%
Ông Nguyễn Văn Hưng	10.230.000	15%

Thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm 2023, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2023, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ. Hiện tại, số lượng cổ phiếu quỹ là 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ

Các chứng khoán khác

Trong năm 2023, Công ty không có các loại chứng khoán khác ngoài cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trên thị trường

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình tài sản *Đvt: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	Năm 2023 so với 2022
Tổng tài sản	463,33	924,32	915,42	Giảm 1%
Tài sản ngắn hạn	329,72	788,46	667,91	Giảm 15,3%
Tài sản dài hạn	133,61	135,86	247,51	Tăng 82%

Báo cáo hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán

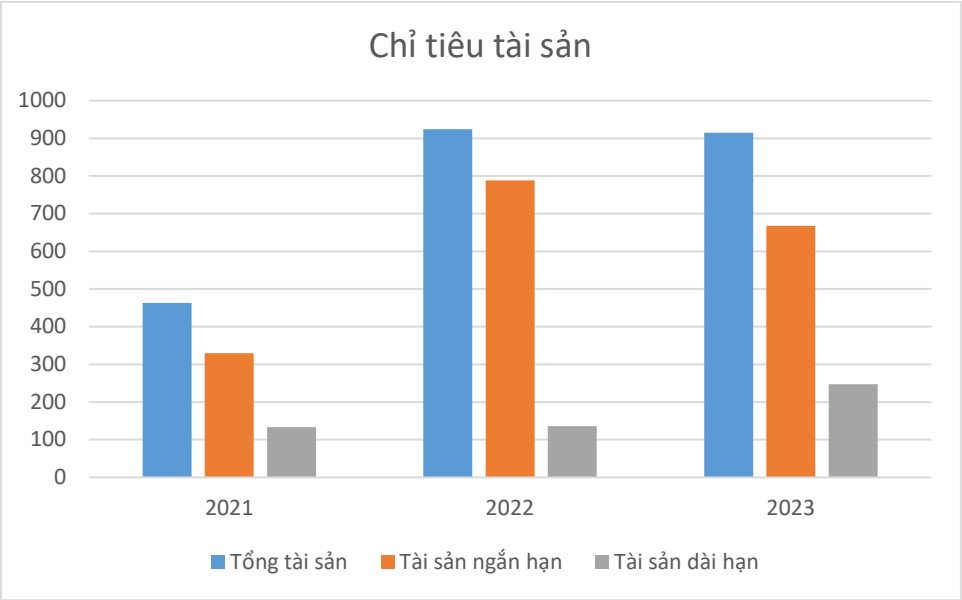

Chỉ tiêu tài sản qua các năm

Giá trị tổng tài sản có sự tăng trưởng ổn định qua các năm. Tính đến cuối năm 2023, tổng giá trị tài sản đạt 915,42 tỷ đồng, giảm 1% không đáng kể so với năm 2022. Đặc biệt là tài sản dài hạn tăng 82% so với năm 2022, chủ yếu là do Công ty đang thực hiện đầu tư các dự án, tài sản.

Tỷ suất sinh lời của Tài sản, Vốn chủ sở hữu và Doanh thu

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	Tăng giảm năm 2023 so với 2022
ROA	5,14%	3,80%	1,17%	Giảm 2,63%
ROE	6%	4,10%	1,23%	Giảm 2,87%
ROS	6,40%	6,84%	5,80%	Giảm 1,04%

Do sự biến động của thị trường chung nên các chỉ tiêu sinh lời của Tài sản, vốn chủ và Doanh thu có sự biến động giảm so với năm 2022.

Cụ thể ROA giảm 2,63%, ROE giảm 2,87% và ROS giảm nhẹ 1,04%. Trong đó, chỉ tiêu ROS mặc dù giảm nhưng vẫn ở mức cao là 5,8% phản ánh "chất lượng của doanh thu" thể hiện sự hiệu quả trong công tác quản lý các chi phí của Công ty

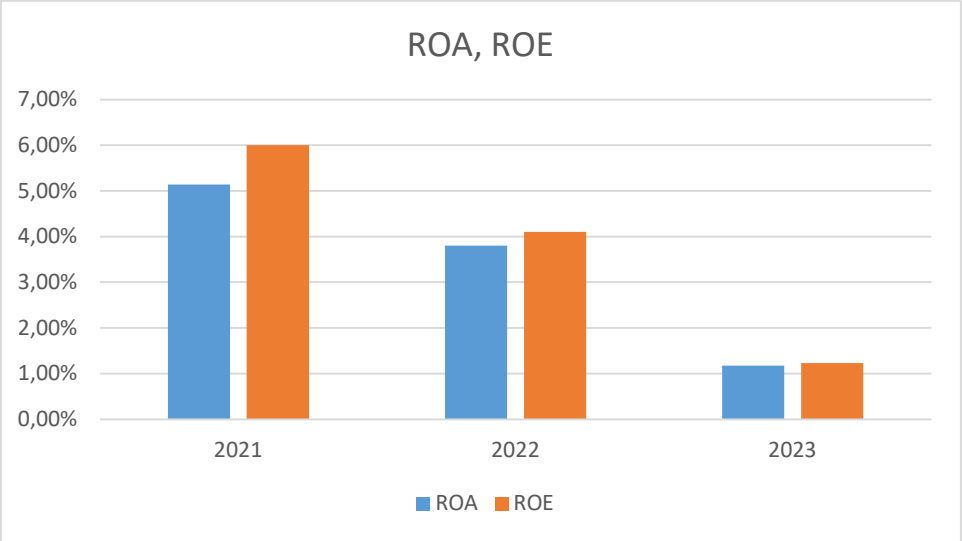

Tỷ suất sinh lời tài sản và vốn chủ sở hữu qua các năm

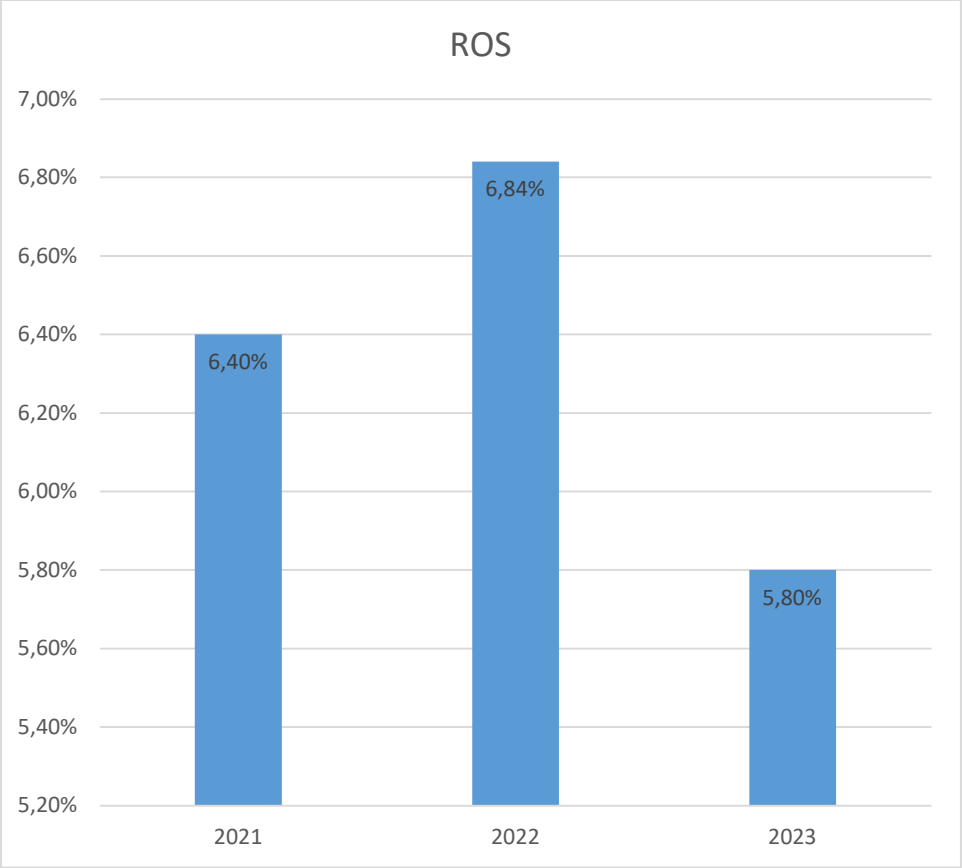

Tỷ suất sinh lời của lợi nhuận/doanh thu

Tình hình nguồn vốn ***Đvt: tỷ đồng***

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	Tăng giảm
Tổng nguồn vốn	463,33	924,32	915,42	Giảm 1%
Nợ phải trả	62,33	52,89	33,54	Giảm 36,59%
Vốn chủ sở hữu	401,00	871,4	881,88	Tăng 1,2%

Tính đến cuối năm 2023, tổng giá trị nguồn vốn đạt 915,42 tỷ đồng, giảm nhẹ 1% so với năm 2022. Trong đó có thể thấy sự tích cực như sau: Nợ phải trả giảm 36,59%, vốn chủ sở hữu tăng 1,2%, như vậy trong cơ cấu nguồn vốn, công ty đã giảm bớt tỷ trọng các nguồn vốn bên ngoài, tăng nguồn vốn từ chủ sở hữu., giúp giảm bớt các rủi ro đồng thời tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn

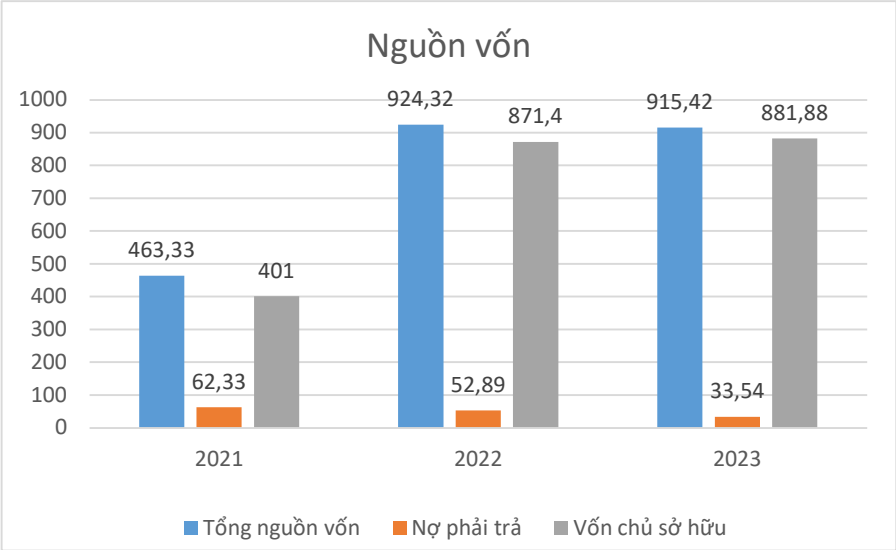

Tình hình nguồn vốn qua các năm

Kết quả kinh doanh ***Đvt: tỷ đồng***

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2023	%
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	384,99	186,12	↓51,66%
2	Giá vốn hàng bán	343,03	161,82	↓ 52,83%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	1,92	1,7	↓11,46%
4	Chi phí tài chính	2,39	1,66	↓ 30,54%
5	Chi phí bán hàng	3,26	3,71	↑13,8%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,08	6,46	↑ 6,25%
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31,8	13,63	↓ 57,14%
8	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5,46	2,86	↓ 47,62%
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	26,34	10,77	↓ 59,11%

Do sự ảnh hưởng của nền kinh tế chung, Doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2023 có mức giảm sút so với năm 2022 như trên. Tuy nhiên cũng trong năm 2023, Công ty đã tìm kiếm và kí kết thêm được nhiều hợp đồng với các khách hàng mới, do đó Ban lãnh đạo đặt ra kế hoạch kinh doanh như sau:

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Dự trên tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, Ban lãnh đạo đặt kế hoạch năm 2024:

Doanh thu: 380 tỷ

Lợi nhuận sau thuế: 25 tỷ

Kế hoạch này sẽ được trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024

Để đạt được kế hoạch trên, ngay từ cuối năm 2023, BKG Việt Nam đã nhiều lần tiến hành họp Ban Giám đốc để đưa ra những biện pháp phù hợp với từng thời điểm:

Hoạt động sản xuất

- Nâng cấp cải tạo nhà xưởng tại Km31, QL6A, Đông Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội.
- Đầu tư máy móc thêm thiết bị để công nghiệp hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm
- Đào tạo nâng cao tay nghề công nhân sản xuất, thợ lắp rắp

Đầu tư

- Tiếp tục triển khai 2 dự án: "tổ hợp nhà máy sản xuất gỗ BKG Việt Nam" đưa vào vận hành giai đoạn 1 dự án Tổ hợp nhà máy sản xuất gỗ BKG Việt Nam
- Triển khai hoàn thiện, đưa vào vận hành các dự án Bất động sản có tỷ suất sinh lời cao

Thị trường

- Mở rộng thêm thị trường xuất khẩu ở các nước
- Tập trung vào các dự án nội thất cho các công trình lớn tại Miền Bắc và trên cả nước

Quản lý

Đào tạo nâng cao năng lực và tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ quản lý của Công ty. Mỗi cấp quản lý đều phải có kế hoạch làm việc chi tiết theo ngày, tuần, tháng, quý và đều chỉnh theo tình hình thực tế.

- Áp dụng chính sách lương thưởng và trừ lương trách nhiệm để tăng tính chủ động và hiệu quả công việc. Định kỳ tháng 6 hàng năm, Công ty tổ chức đánh giá lại mức lương nhân viên một cách phù hợp.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất đồ gỗ, BKG Việt Nam hiểu rõ sự tác động lên môi trường từ hoạt động của mình. Và vì thế, trách nhiệm với môi trường và xã hội cũng là một trong những nhiệm vụ được Ban điều hành BKG Việt Nam quan tâm đặc biệt.

BKG Việt Nam, ủng hộ và nghiêm túc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp với việc tuân thủ những chuẩn mực về bảo vệ môi trường.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của BKG Việt Nam tác động đến môi trường chủ yếu ở những yếu tố sau:

- **Nguồn nguyên vật liệu**
- **Tiêu thụ năng lượng**
- **Tiêu thụ nước:**
- **Bảo vệ môi trường: theo quy định của pháp luật**

Nguồn nguyên liệu chính đầu vào để sản xuất nội thất hiện nay chủ yếu từ gỗ và ván. Ngay từ khâu lọc lựa, xử lý nguyên vật liệu đầu vào, trong quá trình sản xuất và đầu ra đã có những tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chí kỹ thuật và phương pháp xử lý rác thải để đảm bảo yếu tố an toàn và thân thiện với môi trường. Song song với đó, việc đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ tại các nhà máy, xưởng sản xuất cũng được thực hiện sát sao và hoàn thiện ngay từ khi xây dựng xưởng sản xuất. Quy trình đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh, sức khỏe của CBCNV được củng cố và theo dõi hàng tuần, hàng tháng, hàng quý nhằm tạo ra chế độ phúc lợi tốt nhất cho người lao động. Đối với ván, BKG Việt Nam sử dụng ván đạt tiêu chuẩn chất lượng, có nguồn gốc rõ ràng của các nhà cung cấp trong nước hoặc nhập khẩu. Gỗ tròn được BKG Việt Nam thu mua của các hộ dân có nguồn gốc hợp pháp, được UBND xã cấp phép khai thác, có chứng chỉ nguồn gốc rừng trồng FSC. Đặc biệt với dự án gần 500ha trồng rừng,

ngoài việc đảm bảo nguyên nguyên liệu bền vững, còn giúp bảo vệ môi trường.

Tiêu thụ năng lượng: Công ty luôn có những kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp để tối thiểu hóa làm thêm tăng ca, do đó lượng điện năng tiêu thụ trong giờ cao điểm luôn ở mức thấp.

Tiêu thụ nước: Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của BKG Việt Nam hiện nay hầu như không gây ra các tác động đến môi trường nước

Bảo vệ môi trường: Nhờ áp dụng hệ thống hút bụi và dây chuyền sơn hiện đại, môi trường sản xuất luôn được đảm bảo an toàn. Đặc biệt, trong đánh giá tiêu chuẩn BSCI cho nhà máy, chỉ tiêu "Protection of the Environment" đã được đánh giá điểm B. Đối với hoạt động trong nông nghiệp, các loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng đều nằm trong danh mục được cấp phép, đúng liều lượng theo tiêu chuẩn VietGap.

Từ báo cáo trên, BKG Việt Nam cam kết hoạt động sản xuất kinh doanh không gây ra những tác hại đối với môi trường sinh thái tự nhiên. Toàn thể CBCNV BKG Việt Nam hiểu rõ, tôn trọng môi trường, kinh doanh dựa trên nền tảng bảo vệ môi trường thì các hoạt động kinh doanh đó mới bền vững, hiệu quả và được ủng hộ từ cộng đồng, xã hội.

Hệ thống hút bụi hiện đại

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA BKG VIỆT NAM ĐỐI VỚI XÃ HỘI

Quỹ **"Sharing is unity"** của BKG Việt Nam được thành lập năm 2019 nhằm sẻ chia khó khăn cho các cán bộ công nhân viên của Công ty và cộng đồng. Sau hai năm hoạt động, Quỹ "Sharing is unity" không chỉ đem lại nhiều giá trị vật chất mà trên hết là giá trị tinh thần nhân văn.

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA BKG VIỆT NAM ĐỐI VỚI CBCNV

CHIẾN LƯỢC CON NGƯỜI

BKG Việt Nam luôn luôn chú trọng và coi nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá. Vì thế, mọi hoạt động tại BKG Việt Nam đều lấy "Con người" là trọng tâm. Một trong những giá trị mà BKG Việt Nam xây dựng và luôn phát huy đó là môi trường làm việc tích cực, chuyên nghiệp và tràn đầy năng lượng.

Ở BKG Việt Nam, không chỉ tiếng nói của quản lý cấp cao mới có trọng lượng, mà từng tiếng nói, từng ý kiến của bất kỳ nhân sự các cấp đều được chú trọng lắng nghe, ghi nhận và tạo điều kiện để mỗi cá nhân đều có thể phát huy tối đa thế mạnh của mình trong sự phát triển chung của cả Doanh nghiệp.

BKG Việt Nam đã nỗ lực không ngừng trong việc tạo ra một môi trường làm việc, nơi mà mỗi cá nhân trong đó đều thể hiện được sự tôn trọng, tin tưởng nhau, cùng đoàn kết để đạt được những thành quả xuất sắc; Đồng thời, cũng là nơi để mỗi người tìm thấy những niềm vui, những giá trị trong công việc.

Trên cơ sở đó, BKG Việt Nam xác lập mục tiêu tuyển dụng là thu hút và sẵn sàng chào đón tất cả những ứng viên có mong muốn được làm việc, được cống hiến và phát huy tối đa thế mạnh về tay nghề, kỹ năng và kiến thức chuyên môn của mình trong sự phát triển chung.

Nâng cao tôn chỉ **"Đoàn kết là sẻ chia",** BKG Việt Nam duy trì thường niên những hoạt động cộng đồng nhằm tôn vinh những cá nhân, tập thể NLĐ có thành tích xuất sắc trong công việc; sẻ chia với những hoàn cảnh khó khăn, kết hợp hài hòa giữa lợi ích Doanh nghiệp với lợi ích của cán bộ, người lao động.

Hoạt động hướng dẫn, đào tạo nguồn lực nhân sự nhằm nâng cao tay nghề, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cũng luôn được BKG Việt Nam chú trọng.

Đây không chỉ là nhiệm vụ riêng của bộ phận Nhân sự mà là trách nhiệm của mỗi cá nhân tại BKG Việt Nam. Đặc biệt, với sự chuyên tâm của mình, các cán bộ thuộc Ban điều hành BKG Việt Nam luôn gắn kết, đồng sức, đồng lòng, cam kết cùng tham gia nhiệm vụ hoạch định và phát triển nhân sự, cùng tạo ra môi trường làm việc với hiệu quả cao nhất.

TẶNG QUÀ NHÂN CÁC NGÀY LỄ

Các ngày lễ, CBCNV đều nhận được các phần quà có ý nghĩa theo chế độ phúc lợi của Công ty nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của tập thể

TẶNG QUÀ CHO CÔNG NHÂN CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN

Hằng năm, Công ty xem xét các công nhân có hoàn cảnh khó khăn để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kịp thời hỗ trợ bằng những phần quà tiền mặt. Đây là một trong những hoạt động thiết thực của Công ty trong việc chăm lo đời sống cho công nhân lao động, kịp thời động viên tinh thần để mọi người.

DU LỊCH

Trong năm, BKG Việt Nam tổ chức các hoạt động teambuilding, du lịch…cho toàn bộ CBCNV.

Các hoạt động này nhằm giúp giải tỏa căng thẳng sau giờ làm việc, tăng cường đoàn kết, góp phần xây dựng và cải thiện văn hóa doanh nghiệp

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá chung hoạt động của công ty năm 2023

Tại BKG Việt Nam, chủ tịch HĐQT tách biệt với Tổng Giám đốc, sự bất kiêm nhiệm này đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng trong quản lý điều hành cũng như nâng cao trách nhiệm trong quá trình vận hành Công ty của mỗi vị trí. HĐQT luôn theo sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra kế hoạch, phương án phù hợp đồng thời điều chỉnh khi có những yếu tố khách quan tác động đến.

HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam đã tổ chức 13 phiên họp trong năm 2023 để thảo luận thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, với tỉ lệ tham gia dự họp đều đạt 100%. Các Nghị quyết được Hội đồng Quản trị thông qua trong năm 2023 như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/2023/NQ-HĐQT/BKG ngày 10/01/2023	Triển khai dự án năm 2023	100%
02	02/2023/NQ-HĐQT/BKG ngày 07/04/2023	Gia hạn và chốt Danh sách cổ đông để tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2023	100%
03	03/2023/NQ-HĐQT/BKG ngày 21/04/2023	Đánh giá tiến độ triển khai dự án Tổ hợp nhà máy sản xuất gỗ BKG Việt Nam	100%
04	04/2023/NQ-HĐQT/BKG ngày 19/05/2023	Đánh giá tiến độ triển khai dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái: Jade De MAICHAU – The Legends	100%
05	05/2023/NQ-HĐQT/BKG ngày 22/06/2023	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC soát xét bán niên và năm 2023	100%
06	06/2023/NQ-HĐQT/BKG ngày 27/06/2023	Thông qua giao dịch với các bên liên quan năm 2023	100%
07	07/2023/NQ-HĐQT/BKG ngày 05/09/2023	Thành lập Kiểm toán nội bộ và bổ nhiệm người phụ trách Kiểm toán nội bộ	100%
08	08/2023/NQ-HĐQT/BKG ngày 13/11/2023	Thông qua các nội dung liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022	100%
09	09/2023/NQ-HĐQT/BKG ngày 13/12/2023	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án mua cổ phần của Công ty Cổ phần DP Inves	100%
10	10/2023/NQ-HĐQT/BKG ngày 20/12/2023	Đánh giá công tác triển khai dự án trong năm 2023	100%
11	11/2023/NQ-HĐQT/BKG ngày 30/12/2023	Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023 của toàn hệ thống	100%

Hội đồng Quản trị đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Hoạt động giám sát chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 cụ thể như sau:

- *Chỉ đạo thực hiện các công việc pháp lý của hai dự án: Tổ hợp nhà máy sản xuất gỗ BKG Việt Nam và Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái: Jade De MAICHAU – The Legends để sớm đưa các dự án đi vào xây dựng và hoạt động;*
- *Giám sát việc Công bố thông tin đúng hạn theo Quy định của Pháp luật;*
- *Giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy đinh pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty;*
- *Giám sát thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh sau theo từng Quý;*
- *Chỉ đạo giám sát thực hiện Báo cáo thường niên năm 2023*
- *Giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện đúng theo các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ/BKG và Nghị quyết Hội đồng Quản trị trong năm 2023;*
- *Chỉ đạo Ban Giám đốc và phòng ban liên quan triển khai triệu tập và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023;*
- *Chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện nghiêm túc việc tuân thủ chế độ kế toán, công bố Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2023 đúng hạn;*
- *Giám sát Ban Giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường xuất khẩu và nội địa, tìm kiếm khách hàng mới.*

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023

Doanh thu thuần: 186,12 tỷ đồng, giảm 51,66% so với năm 2022
Lợi nhuận sau thuế TNDN: 10,77 tỷ đồng, giảm 59,11% so với năm 2022

Thù lao của HĐQT và BKS

Hội đồng Quản trị Công ty báo cáo kế hoạch trả thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 như sau:

STT	Ban	Số lượng *(người)*	Thù lao *(VNĐ)*	Tổng cả năm *(VNĐ)*
1	Hội đồng Quản trị	5	5.000.000/ người	300.000.000
2	Ban Kiểm soát	3	3.000.000/ người	108.000.000

Kế hoạch của Hội Đồng Quản trị 2024

Ngay sau khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Hội đồng Quản trị cam kết trước Đại hội đồng cổ đông sẽ thực thi quyền hạn và nhiệm vụ của mình theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, đồng thời tập trung vào một số giải pháp cụ thể sau:

Nhiệm vụ trọng tâm:

- *Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 giao phó;*
- *Duy trì tổ chức họp Hội đồng Quản trị định kỳ và thực hiện ngay các cuộc họp bất thường khi cần thiết để kịp thời ban hành các Nghị quyết theo thẩm quyền nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của Công ty giúp để đảm bảo thực hiện các mục tiêu đã đề ra;*
- *Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro pháp lý, kiểm soát nội bộ, chú trọng hoạt động quản trị Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động;*
- *Tìm kiếm, mở rộng các thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vào thị trường nội địa;*
- *Giám sát và đôn đốc việc hoàn thiện thủ tục pháp lý và triển khai xây dựng dự án "Tổ hợp nhà máy sản xuất Gỗ BKG Việt Nam" và "Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái: Jade De MAICHAU – The Legends"*
- *Tìm kiếm các dự án đầu tư mới.*

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tiến hành giám sát, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh năm 2023 của HĐQT và Ban Giám đốc, đồng thời kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Ban kiểm soát cũng đã tiến hành họp và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

- **Kiểm tra, rà soát việc tuân thủ các Quy chế, quy trình nội bộ đã được ban hành**
- **Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập**

Căn cứ các tiêu thức lựa chọn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Ban kiểm soát đã làm việc với các đơn vị phù hợp để quyết định việc lựa chọn và đề xuất với chủ tịch Hội đồng Quản trị ra quyết định phê duyệt, ký Hợp đồng thực hiện.

- **Thực hiện nhiệm vụ giám sát**

Trưởng ban Ban Kiểm soát đã tham gia dự họp tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị để nắm bắt tình hình kịp thời, đồng thời làm thư ký cuộc họp để đảm bảo nội dung các nghị quyết được ban hành một cách khách quan nhất

- **Công bố thông tin**

Trưởng ban kiểm soát là người công bố thông tin của BKG Việt Nam. Vì vậy các thông tin công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường luôn đảm bảo kịp thời và chính xác

- **Ban Kiểm soát thường xuyên đánh giá tình hình tài chính của Công ty để đưa ra các nhận xét, cảnh báo, khuyến nghị kịp thời cho hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác điều hành công ty;**

Các cuộc họp của BKS năm 2023

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đặng Phước Đức	2/2	100%	
2	Ông Tạ Quang Dũng	2/2	100%	
3	Bà Phan Thị Thu Hà	2/2	100%	

Soát xét Kết quả hoạt động kinh doanh:

Trên kết quả kiểm tra, soát xét hồ sơ sổ sách năm 2023, Ban kiểm soát báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ: 186,12 tỷ, giảm 51,66% so với năm 2022

Lợi nhuận sau thuế TNDN: 10,77 tỷ, giảm 59,11% so với năm 2022

Tổng tài sản (nguồn vốn): 915,42 tỷ, giảm 2,8% so với năm 2022

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ công nhân viên trong hệ thống

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị kinh doanh của Công ty và qua việc thẩm tra các Báo cáo Tài chính Quý, Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty, Ban Kiểm soát đánh giá như sau:

- *HĐQT và Ban Giám đốc luôn ý thức được việc tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật. Mỗi thành viên đều thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;*
- *HĐQT và Ban Giám đốc đã thực hiện tốt công tác quản lý, đề ra những chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường. Mặc dù năm 2023 gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên HĐQT và Ban Giám đốc đã có những chính sách quản lý phù hợp để tiết kiệm chi phí, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường kinh doanh.*

- *HĐQT cùng Ban Giám đốc tích cực trao đổi, phối hợp, cung cấp các tài liệu cần thiết cho Ban Kiểm soát trong quá trình giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023.*

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát đặt ra kế hoạch làm việc năm 2024 như sau:

- *Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;*
- *Thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật;*
- *Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, các nội quy của Công ty trong hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp;*
- *Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua;*
- *Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp và trung thực của các Báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và hàng quý;*
- *Kiểm tra sổ kế toán, ghi chép kế toán, hồ sơ kế toán và các tài liệu khác của Công ty;*
- *Duy trì các cuộc họp Ban Kiểm soát kỳ và bất thường khi xét thấy cần thiết.*
- *Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.*

MỘT SỐ SẢN PHẨM, DỰ ÁN TIÊU BIỂU

Một số dự án lớn triển khai

Năm 2023 đánh dấu nhiều đột phá trong hoạt động đầu tư, tạo bước đệm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của BKG Việt Nam. Hiện nay các dự án của BKG đang triển khai gồm dự án đầu tư xây dựng nhà máy và dự án bất động sản

Dự án: Tổ hợp nhà máy sản xuất Gỗ BKG Việt Nam

Vị trí: Xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình

Quy mô: 24,2ha

Tổng vốn đầu tư giai đoạn I: 298 tỷ đồng

Hiện nay dự án đã giải phóng xong toàn bộ mặt bằng, bước vào giai đoạn hoàn thành các thủ tục pháp lý còn lại. Dự kiến sẽ triển khai xây dựng vào Quý 3 năm 2024

Lợi ích dự án mang lại:

Các hạng mục đầu tư của dự án

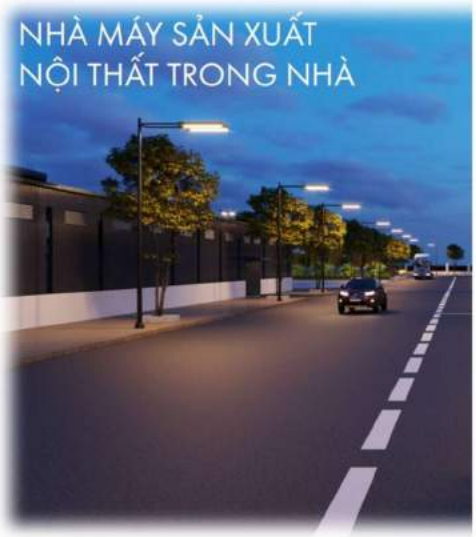

DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
16.200 m²

CÔNG SUẤT SẢN XUẤT
7.800 m³/năm

LAO DỘNG DỰ KIẾN
1200 người

Jade De MAICHAU
Villa & Resort

Dự án: Khu du lịch – nghỉ dưỡng sinh thái Jade De MAICHAU – The Legends

Dấu ấn một huyền thoại….

Địa điểm thực hiện: xã Tòng Đậu và xã Đồng Tân, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

Diện tích: 60 ha

Khu dịch vụ nghỉ dưỡng: 10,81ha

Đất cây xanh thể thao: 17,3ha

Khu cảnh quan mặt nước: 17,98ha

Hòa Bình, tên gọi cũng như đã đủ sức nói lên những nội hàm về vùng đất có những điều kiện tự nhiên, điều kiện văn hóa, xã hội, con người phù hợp với mong muốn hiện tại. Từ Hà Nội, đi theo đường Hồ Chí Minh, đi qua Lương Sơn, Kim Bôi, Lạc Thủy, Yên Thủy, Lạc Sơn; từ Quốc Lộ 6, Đại lộ Thăng Long, đi qua huyện Lương Sơn, Thành phố Hòa Bình, nối vào Cao Phong, Tân Lạc, Mai Châu, một hướng rẽ về Đà Bắc…; đường nào cũng bạt ngàn đồi núi, bạt ngàn cây xanh; cung đường uốn lượn, lúc lên tới đỉnh dốc Cun, lúc vượt lên trên đỉnh mây trắng ở thung Khe, lúc lại vòng vào những vùng đất mát lành, ngọt lịm những Cam, những Mía của đất Cao Phong; lúc đi theo đường trường sơn nối bãi Lạng với bãi Chạo, lúc lại men theo dòng sông Bôi xanh ngát những cây Chè; lúc ngâm đôi chân vào dòng nước nóng rẫy của nguồn khoáng quý Kim Bôi, lúc lại ngồi nghe mùi gió mát trên lòng hồ Hòa Bình…

Dự án **Jade De MAICHAU – The Legends** có vị trí đắc địa – cửa ngõ huyện Mai châu, 1 mặt bám đường quốc lộ, mặt lưng bám núi non hùng vĩ, bao quanh lòng hồ tự nhiên. Dự án đi vào hoạt động không chỉ là nơi nghỉ dưỡng lí tưởng cho du khách mà nơi đây còn có sứ mệnh bảo tồn các văn hóa hàng nghìn năm của Mai Châu nói riêng và Hòa Bình nói chung.

Hiện nay dự án đã thực hiện đền bù giảm phóng mặt bằng, dự kiến hoàn thành thủ tục pháp lý trong Quý 3 năm 2024 để triển khai xây dựng.

MỤC TIÊU DỰ ÁN

Trở thành **Trung Tâm Giao Thương, du Lịch** của khu vực

Khôi phục lại những **Nét Văn Hóa Truyền Thống**

Tạo thành điểm nhấn, nghĩ đến Hòa Bình, nghĩ đến cung đường du lịch là nghĩ đến **Jade De Mai Chau**

Một số công trình tiêu biểu của dự án

Quảng trường trung tâm

- ***Tháp đồng hồ:*** *Biểu tượng của dự án*
- ***Bảo tàng văn hóa dân tộc:*** *Nơi khách du lịch tìm hiểu về truyền thống, văn hóa đặc trưng, các sản phẩm thủ công của địa phương.*
- ***Quảng trường trung tâm:*** *Nơi biểu diễn các tiết mục văn hóa, ăn đêm, khu vui chơi …*

Sân khấu biểu diễn ngoài trời: *Nơi biểu diễn các tiết mục văn hóa, văn nghệ*

Bể bơi vô cực và Khu Teambuilding
Đường đi dạo ven hồ
Bể bơi vô cực
Khu Teambuilding

Khu dịch vụ, ShopHouse: *Nhà hàng, café, bar, spa, cửa hàng .. Tất cả các nhu cầu của Khách thăm quan sẽ đầu được đáp ứng ở đây*

Khối biệt thự nghỉ dưỡng

Khi đi vào hoạt động, dự án sẽ cung cấp cho thị trường **450 căn biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp** có diện tích từ **120m^2 – 450m^2**

Ngôi nhà mặt trời 595m²

Trung tâm Hạnh phúc quốc gia Bhutan mang đậm nét bản sắc của quốc gia này

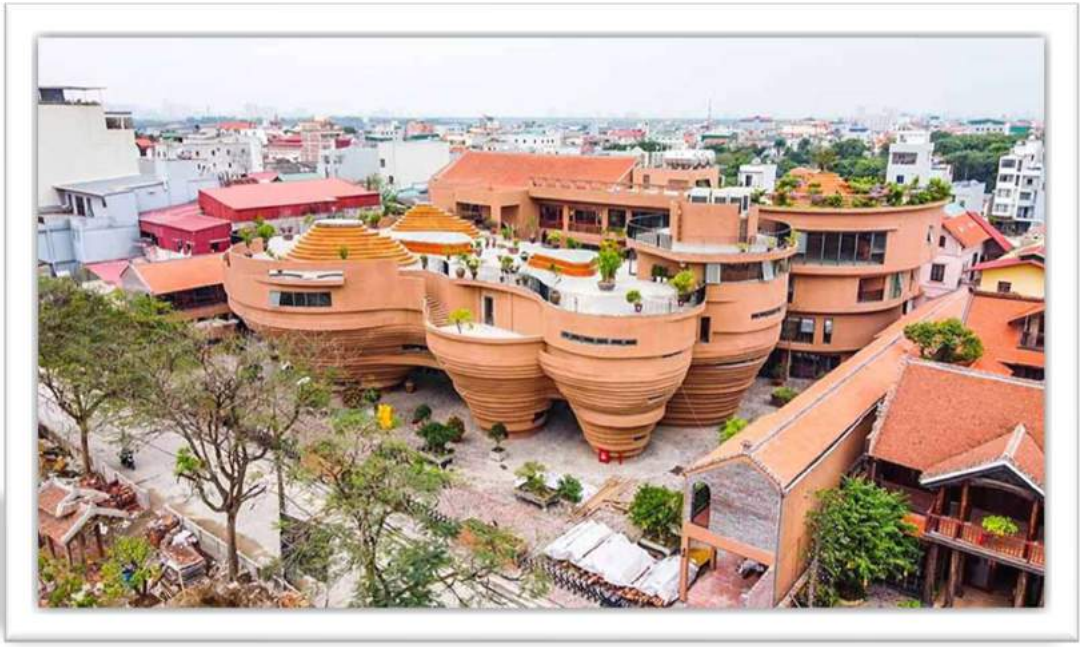

Bảo tàng Gốm sứ

Trường tiểu học – Điểm sáng của vùng cao

Một số sản phẩm, công trình tiêu biểu năm 2023

Ván ghép thanh

Ván ghép thanh là mặt hàng có rất nhiều ứng dụng trong sản xuất nội thất: sản xuất các đồ nội thất trong gia đình, văn phòng, kiến trúc công cộng. Do vậy, Công ty xác định đây là mũi nhọn chính đối với hoạt động sản xuất thương mại. Hiện nay, do có ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực và quy trình sản xuất không đòi hỏi phức tạp nên nguồn cung khá phổ biến và đa dạng. Sau thời gian hoạt động trong cùng với kinh nghiệm đúc kết, Công ty đã có danh sách các khách hàng với nhu cầu hàng trăm m^3 mỗi tháng.

Lợi thế có Chi nhánh nằm trong vùng nguyên liệu lâm sản Tây Bắc lớn nhất cả nước, nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty luôn được đảm bảo ổn định cả về số lượng và giá cả. Việc thu mua của các đại lý và hộ dân cũng giúp Công ty giảm được chi phí giá vốn đầu vào so với các nhà phân phối khác qua đó gia tăng lợi nhuận Công ty.

Sản phẩm nông nghiệp

Với trang trại rộng hàng chục hecta, cùng với gần 4.000 cây cam tại Cao Phong, Hòa Bình, thương hiệu cam Cao Phong của BKG Việt Nam đang dần được người tiêu dùng đón nhận tích cực bởi chất lượng và đặc biệt là an toàn đối với sức khỏe

Không sử dụng chất bảo quản, sử dụng phân bón với liều lượng và thời gian phù hợp trước khi thu hoạch là những tiêu chí được BKG đặt lên hàng đầu đối với các sản phẩm từ nông nghiệp

Sản phẩm nội ngoại thất

(được trích từ bộ sưu tập Catalogue của BKG Việt Nam)

3.1

BỘ COLLECTION

NỘI THẤT TRỌN GÓI

BỘ COLLECTION
LIMA

LIMA mang phong cách hiện đại tạo nên không gian sống đầy tính thẩm mỹ và thú vị. Trọn bộ sưu tập sử dụng chất liệu **gỗ tự nhiên** làm nổi bật điểm nhấn thiết kế với các **đường thẳng, dạng hình học** tạo nên nét đẹp đạo đáo và ấn tượng cho khách hàng.

BỘ COLLECTION
LEANDRO

Bộ sưu tập nội thất **LEANDRO** là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố thời trang và nét cổ điển xưa cũ, tái hiện trọn vẹn linh hồn chất liệu gỗ keo vào từng đường nét sản phẩm.

BỘ COLLECTION **OZO**

Đẹp, lạ mắt và độc đáo là nét đẹp đặc trưng tạo nên sức hút của bộ **OZO**. Các **thanh gỗ ghép dọc, vân gỗ tròn** cùng **nét nứt tự nhiên** là điểm nhấn trong mỗi sản phẩm.

BỘ COLLECTION **LUNA**

Nét đặc trưng của bộ sưu tập **LUNA** chính là **hiệu ứng hình học đối xứng** được thể hiện rõ nét tinh tế. Những dải gỗ được xếp đan chéo với sự chỉnh chu đến từng chi tiết từ đó cho ra đời hiệu ứng 3D hình học đa dạng ở mỗi góc nhìn.

RUSTY mang trong mình đường nét **mạnh mẽ và hiện đại**, dễ dàng kết hợp và bài trí trong đa dạng không gian sống khác nhau cũng như phối hợp với các sản phẩm nội thất khác để tạo nên một không gian sống hiện đại và tiện nghi.

BỘ COLLECTION
RUSTY

Bộ sưu tập ERA gỗ sồi tự nhiên sử dụng nghệ thuật tương phản màu sắc sáng - tối trọn phj kiện: kệ tivi, giường, tủ, bàn ăn,... phù hợp với mọi không gian nội thất khác nhau từ tối giản đến sang trọng.

BỘ COLLECTION
ERA - GỖ SỒI

BỘ COLLECTION
ESTRADA

Mang hơi thở mộc mạc tự nhiên là nét đặc trưng trong bộ sưu tập **ESTRADA** này. Thay vì phải phủ lớp sơn màu thì chúng tôi giữ nguyên nét đẹp tự nhiên của gỗ, chất liệu gỗ keo mộc mạc dần trở thành phong cách thiết kế được nhiều người yêu thích.

BỘ COLLECTION

CORFU - GỖ SỒI

Sự khéo léo kết hợp **màu sắc tương phản** với điểm nhấn là **gỗ sồi tối màu** mang đến trải nghiệm hình ảnh độc đáo trong từng sản phẩm.

3.2

NỘI THẤT TRONG NHÀ

KỆ TREO QUẦN ÁO

Chất liệu: Gỗ thông hoàn thiện lau dầu
KT sản phẩm: 97x38x150cm

GIÁ TREO QUẦN ÁO

Chất liệu: Gỗ thông hoàn thiện lau dầu
KT sản phẩm: Cao 1m5, Thân 40x40mm

TAB ĐẦU GIƯỜNG

Chất liệu: Gỗ thông hoàn thiện lau dầu
KT sản phẩm: 35 x 35 x 45cm

KỆ TREO QUẦN ÁO CHỮ A

Chất liệu:
KT sản phẩm:

Màu sắc:

GIÁ ĐỂ BÁT BẰNG GỖ

Chất liệu:
KT sản phẩm:

KỆ ĐỰNG GIA VỊ

Chất liệu: Gỗ thông hoàn thiện lau dầu
KT sản phẩm: 35x35x17cm

KỆ GIÀY TRONG NHÀ

Chất liệu: Gỗ thông hoàn thiện lau dầu
Tính năng: kệ để giày, kệ decor,...

BỘ BÀN ĂN INTERBUILD

Chất liệu: Gỗ keo
KT sản phẩm: Ghế: 497x410x900mm; Bàn: 1180 x740 x 734mm;

Màu sắc:

HỘP ĐỰNG QUẦN ÁO

Chất liệu: Gỗ thông hoàn thiện lau dầu
KT sản phẩm: 50x50x50cm

KỆ GIÀY NHÀ TẮM

Chất liệu: Gỗ thông hoàn thiện lau dầu
KT sản phẩm: 63x30x52cm

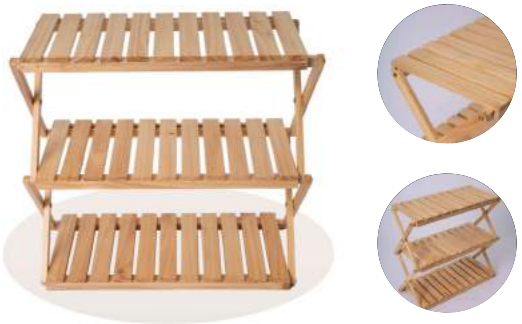

3.3

NỘI THẤT NGOÀI TRỜI

COLLECTION OF OUTDOOR

BỘ BÀN GHẾ CHÂN SẮT

Chất liệu:
KT sản phẩm:

BÀN OUTDOOR

Chất liệu:
KT sản phẩm:

BÀN ĂN NGOÀI TRỜI 01

Chất liệu:
KT sản phẩm:

BÀN ĂN NGOÀI TRỜI 02

Chất liệu:
KT sản phẩm:

BỘ BÀN ĂN NGOÀI TRỜI 03

Chất liệu:
KT sản phẩm:

BỘ BÀN GHẾ THƯ GIÃN

Chất liệu:
Tính năng:

BGTG-G01

BGTG-G02

BGTG-G03

BGTG-G04

BỘ BÀN GHẾ MINI

Chất liệu:
Tính năng:

GHẾ TẮM NẮNG

Chất liệu:
Tính năng:

BỘ BÀN GHẾ MINI - BGM.G01

MÀU SẮC:

GHẾ TẮM NẮNG - G01

MÀU SẮC:

BỘ BÀN GHẾ MINI - BGM.G02

MÀU SẮC:

GHẾ TẮM NẮNG - G02

MÀU SẮC:

BỘ BÀN GHẾ MINI - BGM.G03

MÀU SẮC:

GHẾ TẮM NẮNG -G03

MÀU SẮC:

GHẾ THƯ GIÃN - G01

Chất liệu:
KT sản phẩm:

GHẾ THƯ GIÃN - G02

Chất liệu:
KT sản phẩm:

Màu sắc:

VỈ GỖ LÁT SÀN

Chất liệu:
KT sản phẩm:

CHẬU HOA NGOÀI TRỜI 01

Chất liệu:
KT sản phẩm:

CHẬU HOA NGOÀI TRỜI 02

Chất liệu:
KT sản phẩm:

Tháo lắp dễ dàng

100% gỗ tự nhiên

Lỗ thoát nước thông minh

CHẬU HOA NGOÀI TRỜI 02

Chất liệu:
KT sản phẩm:

HỘP GỖ TRỒNG CÂY

Chất liệu:
KT sản phẩm:

KỆ DECOR

Chất liệu:
KT sản phẩm:

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

4.1 - RESORT

THIẾT KẾ & THI CÔNG NỘI THẤT RESORT CAO CẤP

"**BKG Việt Nam** tự hào là đơn vị hàng đầu cung cấp dịch vụ toàn diện trong lĩnh vực thiết kế, thi công và giám sát nội - ngoại thất. Với đội ngũ kiến trúc sư không ngừng sáng tạo và đổi mới tư duy chúng tôi hoạt động với sứ mệnh "Mỗi công trình không chỉ dừng chân ở tính thẩm mỹ mà còn mang đến sự tiện ích, xứng tầm đẳng cấp"

Là đối tác tin cậy thiết kế, thi công nội thất cho nhiều resort, khách sạn cao cấp, hạng sang trên toàn quốc hiện nay chúng tôi đã thực hiện với vô số dự án lớn, nhỏ khác nhau có thể kể đến: **Ivory Resort, Flamingo, Tomodachi Retreat - Làng Mít...**

BKG Việt Nam sử dụng đa dạng các vật liệu nội thất kết hợp với các giải pháp tối ưu chi phí từ giai đoạn thiết kế giúp khách hàng thực hiện hóa ý tưởng công trình như mong đợi."

6.64 ha
Khu trung tâm cộng đồng

19.5 ha
Khu nhà ở

66 ha
Tổng diện tích dự án

11.21 ha
Khu thương mại và dịch vụ

28.65 ha
Khu cảnh quan mặt nước

Vị trí: Hòa Bình
Thiết kế nội thất: BKG Design
Thi công: BKG Vietnam

IVORY VILLAS & RESORT
HÒA BÌNH

Area: 250 spm

Ivory Villas & Resort nằm cách trung tâm Hà Nội **44** km, cách khu du lịch Kim Bôi **20** km và Vườn Quốc Gia Ba Vì **20** km và các điểm giải trí như sân gold Phoneix, Skylake, v.v.. Đặc biệt, **Ivory Villas & Resort** nằm ở vị trí đứng giữa núi rừng thiên nhiên nơi của ngõ du lịch Tây Bắc. Tuy nằm ngay mặt đường Quốc Lộ 6 nhưng khu biệt thự Ngà Voi của Ivory vẫn đảm bảo sự yên tĩnh khi ẩn mình giữa không gian cây xanh lãng mạn xứng đáng là thiên đường nghỉ dưỡng tại ngoại ô Hà Nội.

Hơn cả một nơi nghỉ dưỡng, **Ivory Villas & Resort** còn mang tới cho khách hàng những trải nghiệm khó quên, thu thái giữa thiên nhiên xanh mát của núi rừng. Để truyền tải thông điệp này **BKG Việt Nam** đã xây dựng phong cách thiết kế hiện đại tiêu chuẩn với những đặc điểm nổi bật như gam màu trung tính, cách bài trí nội thất và vật liệu sử dụng tối giản nhằm tôn lên yếu tố hòa hợp với thiên nhiên và tối đa không gian sống, từ đó mang lại giá trị nghỉ dưỡng đích thực cho khách hàng trong quá trình sử dụng.

Chất liệu sử dụng chủ yếu trong dự án đối với phần đồ nội thất là gỗ thịt và gỗ công nghiệp phủ veneer - sự lựa chọn thích hợp cho không gian sống. Đường nét tinh xảo gần gũi như vân gỗ kết hợp với màu tự nhiên trầm ấm của vật liệu tạo nên không gian ấm áp và có chiều sâu. Ngoài ra, yếu tố cong vênh, mối mọt của vật liệu cũng được hạn chế một cách tối đa mà vẫn đạt thẩm mỹ, tiết kiệm chi phí.

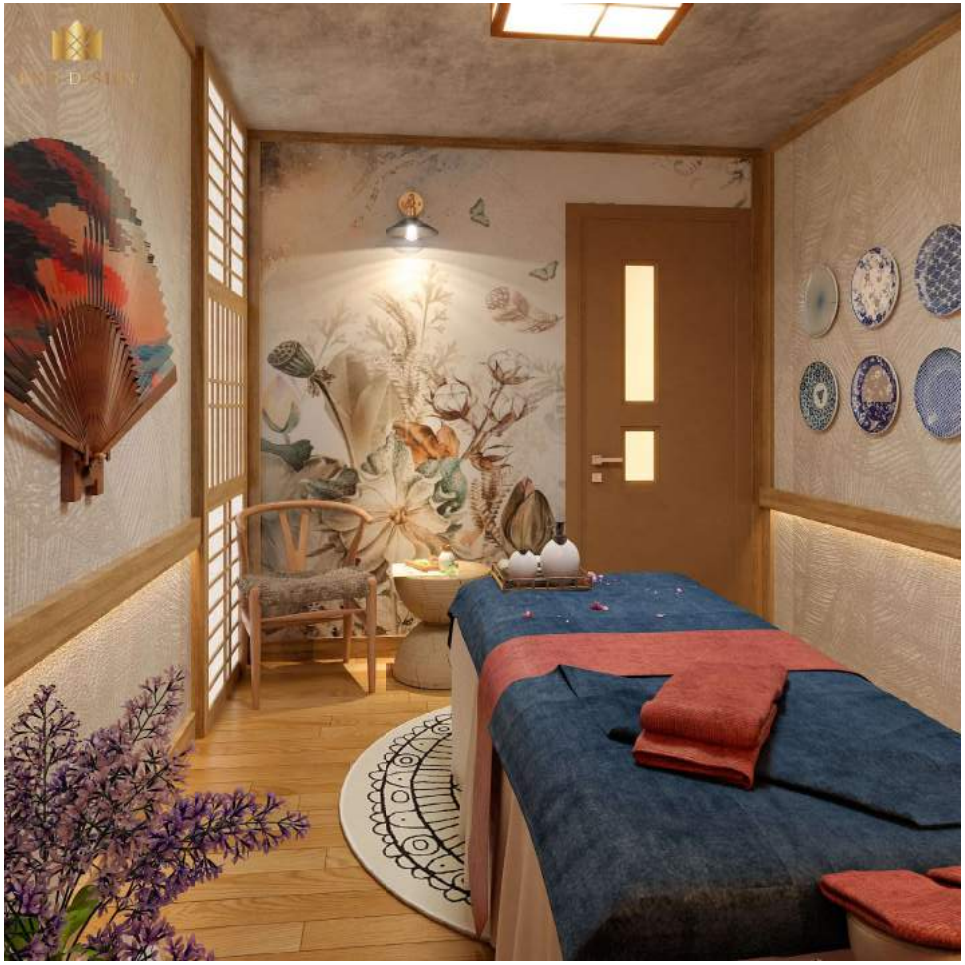

IVORY VILLAS & RESORT
HÒA BÌNH

Area: 250 spm

IVORY VILLAS & RESORT
HÒA BÌNH

Area: 250 spm

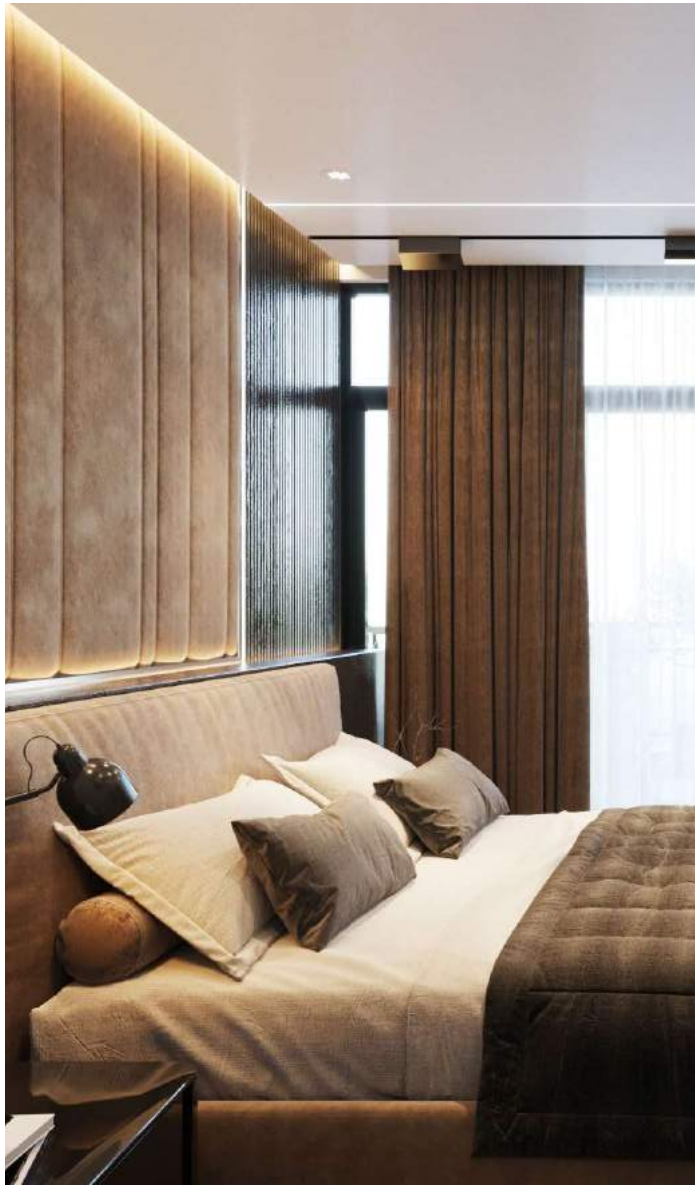

AN PHÚC MÔN

HÀ NỘI

Area: 400 spm

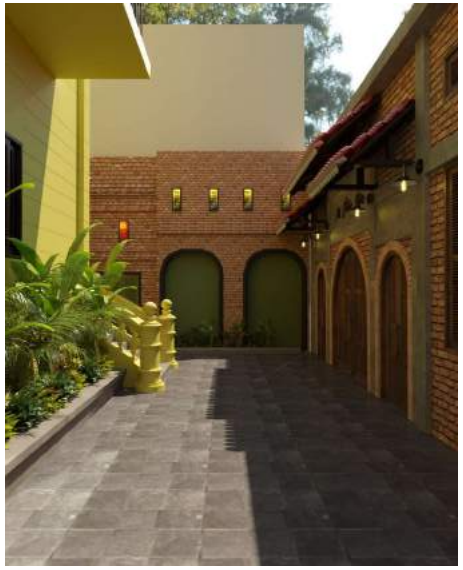

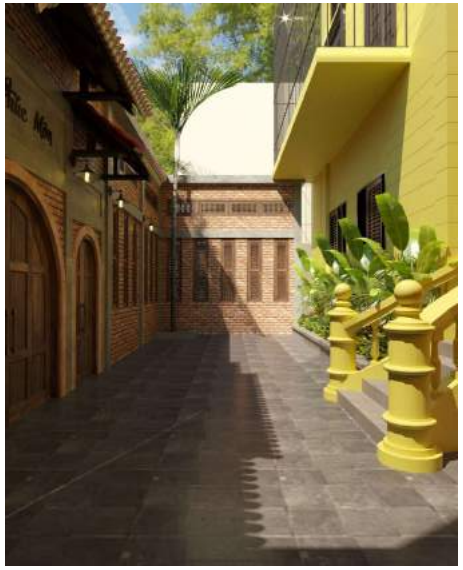

AN PHÚC MÔN

HÀ NỘI

Area: 400 spm

MONACO QUẢNG NINH
QUẢNG NINH

MONACO QUẢNG NINH
QUẢNG NINH

Tomodachi Retreat

TOMODACHI RETREAT - LÀNG MÍT

Area: 400 spm

TRẠI LÁNG - SƠN TÂY - HÀ NỘI

TOMODACHI RETREAT - LÀNG MÍT

Area: 400 spm

TRẠI LÁNG - SƠN TÂY - HÀ NỘI

MR TÙNG
HÒA BÌNH

MR TÙNG
HÒA BÌNH

4.2 - BAR & RESTAURANT, SPA

THIẾT KẾ & THI CÔNG NỘI THẤT NHÀ HÀNG & SPA

Với hơn 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, sản xuất và thi công nội thất chúng tôi tự hào là người bạn đồng hành tạo nên hàng trăm công trình tiện ích, giải trí mang dấu ấn cá tính riêng không hề trộn lẫn nhưng đảm bảo mang đến không gian thư giãn đích thực. Mỗi dự án chúng tôi thực hiện đều chỉn chu trong từng chi tiết nhỏ nhất và thổi hồn vào vật liệu, ánh sáng để biến chúng trở thành tác phẩm nghệ thuật.

HOUSE OF BARBAARD – MELIA HOTEL

HÀ NỘI

Area: 500 spm

HOUSE OF BARBAARD – MELIA HOTEL

HÀ NỘI

Area: 500 spm

HOUSE OF BARBAARD – MELIA HOTEL

HÀ NỘI

Area: 500 spm

IVORY SPA
HÒA BÌNH

Area: 250 spm

IVORY SPA
HÒA BÌNH

Area: 250 spm

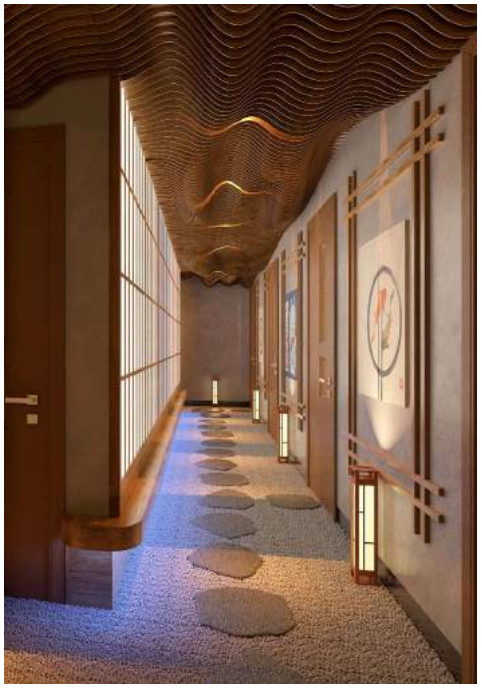

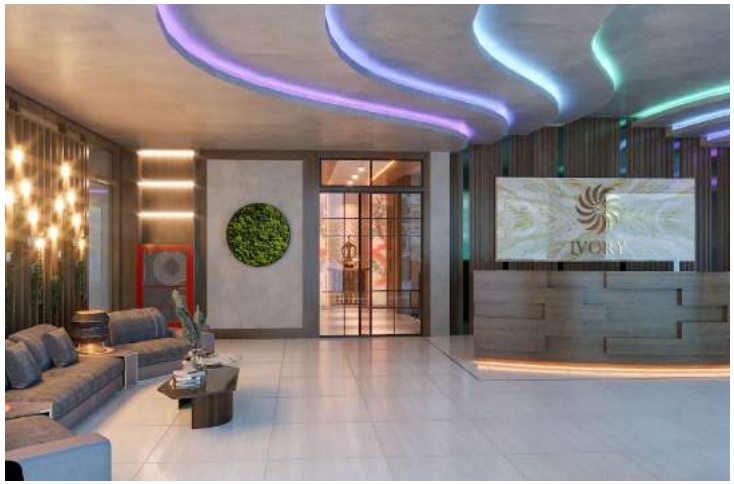

4.3 - CĂN HỘ

THIẾT KẾ & THI CÔNG NỘI THẤT CĂN HỘ

Với sứ mệnh đồng hành cùng khách hàng trên con đường kiến tạo không gian sống tận hưởng, BKG Việt Nam luôn làm việc với tinh thần: mỗi câu chuyện của bạn là nguồn cảm hứng thiết kế của chúng tôi. Lắng nghe và định hình lại phong cách của khách hàng xuất phát từ ý tưởng và tình yêu mà họ gửi gắm vào không gian sống của mình. BKG Việt Nam thực hiện thi công thiết kế nội thất trọn gói để biến ý tưởng trên giấy thành những tác phẩm nghệ thuật thực sự.

VINHOMES SMART CITY

HÀ NỘI

Area: 80 spm

CĂN HỘ ECOPARK
HÀ NỘI

CĂN HỘ CIPUTRA - MR.HÙNG
HÀ NỘI

Area: 80 spm

MS HÀ - HỒ TÙNG MẬU

HÀ NỘI

Area: 80 spm

APARTMENT HỒ BA MẪU

HÀ NỘI

Area: 80 spm

TIME CITY
HÀ NỘI

Area: 108 spm

TIME CITY
HÀ NỘI

Area: 108 spm

4.4 OFFICE

THIẾT KẾ & THI CÔNG NỘI THẤT VĂN PHÒNG LÀM VIỆC

BKG Việt Nam tự hào được nhiều doanh nghiệp lớn, nhỏ, tin tưởng giao trọng trách thổi sinh khí vào không gian làm việc của công ty. Chúng tôi thấu hiểu được rằng một không gian làm việc cởi mở, năng động là chìa khóa lan tỏa năng lượng tích cực, giúp môi trường làm việc trở nên thoải mái, hứng thú và sáng tạo đồng thời nâng cao hiệu suất, chất lượng công việc.

VĂN PHÒNG BE&C

HÀ NỘI

VĂN PHÒNG GOLDENPALM

HÀ NỘI

VĂN PHÒNG HANDY

HÀ NỘI

4.5 - CAFE

THIẾT KẾ & THI CÔNG NỘI THẤT QUÁN CAFE

Đón nhận sự tin tưởng của khách hàng chúng tôi tự tin trong việc thực hiện và truyền tải thông điệp đến với khách hàng bằng việc thực hiện hóa các ý tưởng thành không gian như quán cafe - nơi lý tưởng mà khách hàng có thể tận hưởng sự tĩnh lặng để làm việc, trò truyện... Đặc biệt tại BKG Việt Nam cung cấp nội thất may đo cao cấp hoàn hảo đến từng chi tiết.

CAFE GOODTIME BẮC NINH

BẮC NINH

4.6 - TRƯỜNG HỌC

THIẾT KẾ & THI CÔNG NỘI THẤT TRƯỜNG HỌC

Bằng nền tảng am hiểu sâu sắc và kinh nghiệm dày dặn trong lĩnh vực thiết kế và thi công, BKG luôn đổi mới sáng tạo nhằm đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của ngành giáo dục, chỉn chu từ việc sắp xếp không gian, bàn ghế học tập, ăn uống, công cụ sinh hoạt hàng ngày tốt nhất cho trẻ. BKG đã thực hiện nhiều công trình: trường mầm non, trường song ngữ, trường quốc tế... với mục tiêu mang đến môi trường học lý tưởng cho thế hệ tương lai, một không gian tiện nghi cho các thầy cô giáo thực hiện xuất sắc sứ mệnh chèo lái những con đò cập bến tri thức.

NSQUARE CREATIVE LEARNING CENTER Area: 168 spm

LOTTE TÂY HỒ - HÀ NỘI

TRƯỜNG MẦM NON AN PHÚ
BẮC NINH

Area: 2000 spm

TRƯỜNG MẦM NON AN PHÚ
BẮC NINH

Area: 2000 spm

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2023

(Đã được Kiểm toán)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**667.914.627.452**	**788.458.385.001**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**81.229.214.294**	**29.482.041.128**
111	1. Tiền		41.229.214.294	14.482.041.128
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	15.000.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**22.000.000.000**	**-**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.000.000.000	-
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**464.362.153.197**	**661.875.274.994**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	34.451.154.706	60.786.802.817
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	302.314.757.572	392.068.145.416
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	129.247.176.911	209.020.326.761
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.650.935.992)	-
140	**IV. Hàng tồn kho**	**8**	**98.803.761.346**	**94.721.471.263**
141	1. Hàng tồn kho		98.803.761.346	94.721.471.263
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**1.519.498.615**	**2.379.597.616**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10.a	271.482.263	326.375.645
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.248.016.352	2.051.721.971
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	-	1.500.000
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**247.503.291.527**	**135.857.504.066**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**54.505.791**	**-**
216	1. Phải thu dài hạn khác		54.505.791	-
220	**II. Tài sản cố định**		**56.489.507.491**	**60.729.593.114**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	14.058.537.241	18.298.622.864
222	- Nguyên giá		44.500.231.496	43.931.794.202
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(30.441.694.255)	(25.633.171.338)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	42.430.970.250	42.430.970.250
228	- Nguyên giá		42.430.970.250	42.430.970.250
230	**III. Bất động sản đầu tư**	**13**	**20.981.311.990**	**21.868.459.462**
231	- Nguyên giá		24.840.129.972	24.840.129.972
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(3.858.817.982)	(2.971.670.510)
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	**9**	**80.693.906.813**	**51.855.914.610**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		80.693.906.813	51.855.914.610
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**89.110.000.000**	**-**
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		89.110.000.000	-
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**174.059.442**	**1.403.536.880**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10.b	174.059.442	1.403.536.880
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**915.417.918.979**	**924.315.889.067**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**33.537.190.949**	**52.607.508.932**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**31.849.229.949**	**51.205.275.932**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	5.634.214.386	21.787.072.936
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	4.819.323.893	4.169.081.194
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.835.886.147	6.280.937.545
314	4. Phải trả người lao động		501.834.605	537.532.767
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	429.668.098	47.465.753
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.080.000.000	180.075.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19a	905.030.820	2.508.838.737
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14a	15.643.272.000	15.694.272.000
330	**II. Nợ dài hạn**		**1.687.961.000**	**1.402.233.000**
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		1.080.000.000	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	19.b	-	100.000.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14.b	607.961.000	1.302.233.000
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**881.880.728.030**	**871.708.380.135**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**20**	**881.880.728.030**	**871.708.380.135**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		681.999.830.000	681.999.830.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		681.999.830.000	681.999.830.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
420	2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.645.870.571	36.703.322.571
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		36.105.322.571	10.979.271.469
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		10.540.548.000	25.724.051.102
422	4. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		153.235.027.459	153.005.227.564
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**915.417.918.979**	**924.315.889.067**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Lương Bảo Ngọc	Phạm Lương Bảo Ngọc	Nguyễn Văn Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	186.173.750.280	386.244.141.464
02	2. Các khoản giảm trừ	23	52.637.187	1.257.191.619
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		186.121.113.093	384.986.949.845
11	4. Giá vốn hàng bán	24	161.821.972.878	343.034.839.178
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)		24.299.140.215	41.952.110.667
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	1.695.531.287	1.927.870.693
22	7. Chi phí tài chính	26	1.664.046.274	2.392.258.494
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.662.374.619	2.340.217.489
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	27	3.712.584.409	3.255.418.079
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	6.456.959.771	6.081.997.768
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		14.161.081.048	32.150.307.019
31	12. Thu nhập khác	29	29.177.211	10.859.587
32	13. Chi phí khác	30	562.730.662	356.699.625
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(533.553.451)	(345.840.038)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		13.627.527.597	31.804.466.981
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	2.857.179.702	5.464.035.129
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0	0
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		10.770.347.895	26.340.431.852
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		10.540.548.000	25.930.267.484
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		229.799.895	410.164.368
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	155	471

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Lương Bảo Ngọc	Phạm Lương Bảo Ngọc	Nguyễn Văn Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Phương pháp gián tiếp
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**	**13.627.527.597**	**31.804.466.981**
	2. Điều chỉnh cho các khoản	**7.315.464.625**	**6.819.774.967**
02	- Khấu hao tài sản cố định	5.695.670.389	6.343.931.586
03	- Các khoản dự phòng	1.650.935.992	
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(6.734.773)	(28.494.375)
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.686.781.602)	(1.835.879.733)
06	- Chi phí lãi vay	1.662.374.619	2.340.217.489
08	**3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**20.942.992.222**	**38.624.241.948**
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	196.611.385.633	(35.897.376.444)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(4.082.290.083)	(15.250.035.218)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(14.646.122.774)	(159.167.620.981)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	1.284.370.820	(797.494.285)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(1.280.172.274)	(4.245.718.217)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(6.238.414.069)	(3.486.087.119)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**	**192.591.749.475**	**(180.220.090.316)**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH	(29.406.429.497)	(6.548.827.727)
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	(22.000.000.000)	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(89.110.000.000)	(47.547.906.258)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.684.692.892	1.887.198.516
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**	**(138.831.736.605)**	**(52.209.535.469)**
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	-	300.000.000.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	14.949.000.000	18.900.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(15.694.272.000)	(96.415.582.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(1.266.000.000)	
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**	**(2.011.272.000)**	**222.484.418.000**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**	**51.748.740.870**	**(9.945.207.785)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**29.482.041.128**	**39.426.026.243**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(1.567.704)	1.222.670
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**81.229.214.294**	**29.482.041.128**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Lương Bảo Ngọc	Phạm Lương Bảo Ngọc	Nguyễn Văn Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị DTA, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106935814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015 và thay đổi lần 09 ngày 27 tháng 12 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 681.999.830.000 đồng (Sáu trăm tám mốt tỷ, chín trăm chín chín triệu, tám trăm ba mươi ngàn đồng chẵn).

Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương 68.199.983 cổ phần.

Số CBCNV: 16 người.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. (Chi tiết: Bán buôn tre nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng; Bán buôn sơn và vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh..);
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế ;
- Khai thác gỗ ;
- Cưa xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ ;
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : Bán buôn, giường, tủ, bán ghế và đồ dùng nội thất ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh và dịch vụ của Công ty không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tổng số Công ty con:

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 06;
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên Công ty con	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ kiểm soát*	*Hoạt động kinh doanh chính*
Công ty CP Gỗ BKG	TP Hà Nội	95%	95%	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ
Công ty CP Xuất Nhập khẩu BKG Home	TP Hà Nội	98%	98%	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ
Công ty CP thực phẩm lành Mai Châu	Hòa Bình	99,2%	99,2%	Chăn nuôi gia cầm, hoạt động trồng trọt
Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ	Hòa Bình	100%	100%	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ
Công ty CP phát triển rừng BKG Độc lập	Hòa Bình	100%	100%	Trồng rừng và chăm sóc rừng
Công ty CP Jade De Mai Châu	Hòa Bình	51,67%	51,67%	Bất động sản

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

Hình thức sổ kế toán đơn vị đang áp dụng là hình thức: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

a. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

b. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu không tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận

ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ :

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50 năm
- Máy móc, thiết bị	03-15 năm
- Phương tiện, vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-10 năm

2.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.
Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí luỹ kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền chưa được phân bổ phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.19. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu)

hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ.Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu xây dựng

- Các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính [riêng] của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính [riêng] thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

2.23. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.
- Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	6.926.069.900	13.641.945.358
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.303.144.394	840.095.770
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	**81.229.214.294**	**29.482.041.128**

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chi tiết tại phụ lục số 01:

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	**34.451.154.706**	**60.786.802.817**
Công ty CP Đầu tư XD và PT đô thị Thăng Long	3.176.630.000	13.867.434.800
Khách hàng Habufa	1.635.167.972	1.635.167.972
Công ty cổ phần Hòa Bình Coporations/Bắc Việt/Tâm Điền	5.848.200.000	5.848.200.000
Công ty cổ phần Đầu tư và du lịch Green Holidays	12.380.219.921	
'Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Vietwoodee	3.797.043.000	3.797.043.000
Công ty CP ván ép Đồng Hới		6.476.976.000
Công ty CP Nông sản thực phẩm Hồng Hà		11.787.941.745
Công ty CP Đầu tư và KD quốc tế Tre Việt		12.455.691.200
Các đối tượng khác	7.613.893.813	4.918.348.100
Cộng	**34.451.154.706**	**60.786.802.817**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**302.314.757.572**	**392.068.145.416**
Công ty TNHH MTV Xuất nhập gỗ Hà Nội	27.812.005.100	74.977.111.223
Công ty CP Đầu tư HTDL và Khai thác DV nghỉ dưỡng Tây Bắc	110.499.879.680	110.499.879.680
Công ty TNHH Tâm Điền Tây Yên Tử	59.021.076.000	56.400.000.000
Công ty TNHH MTV ván ép Tây Hà Nội	29.888.415.575	29.039.907.285
Công ty CP Tâm Điền (Công ty CP chế biến gỗ Bắc Việt)	16.003.180.601	21.298.596.643
Công ty CP Nông nghiệp CNC Hòa Bình	13.400.120.320	13.400.120.320
Công ty CP xây dựng TM và XNK Phú Lương II		37.100.000.000
Các đối tượng khác	45.690.080.296	49.352.530.265
Cộng	**302.314.757.572**	**392.068.145.416**

7. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác ngắn hạn	**129.247.176.911**	-	**209.020.326.761**	-
Tạm ứng	114.475.895.621	-	193.942.060.735	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	241.855.600	-	459.097.546	-
Phải thu khác ngắn hạn	14.529.425.690	-	14.619.168.480	-
- Ông Bùi Văn Tượm (*)	*6.500.000.000*	-	*6.500.000.000*	-
- Ông Bùi Văn Xiển (*)	*7.500.000.000*	-	*7.500.000.000*	-
- Khác	*529.425.690*	-	*619.168.480*	-
Cộng	**129.247.176.911**	-	**209.020.326.761**	-

(*) Khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Thực phẩm lành Mai Châu với các cá nhân theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số: 01 và 02/HTKD ngày 10 tháng 12 năm 2019 và Phụ lục hợp đồng ngày 05/12/2021. Theo đó, Công ty CP Thực phẩm lành Mai Châu góp tiền, tham gia điều hành, quản lý, hỗ trợ tìm đối tác, khách hàng, thực hiện phân phối tiêu thụ sản phẩm tại các trang trại trồng Cam tại Huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình với 2 trang trại của ông Bùi Văn Tượm và ông Bùi Văn Xiển. Thời gian thực hiện hợp đồng đến 18/12/2025

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.284.138.759		17.098.706.774	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.611.457.255		4.201.464.581	
Thành phẩm	12.778.368.573		2.305.219.283	
Hàng hoá	49.129.796.759		71.116.080.625	
Cộng	**98.803.761.346**	**-**	**94.721.471.263**	**-**

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

9. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Hệ thống trang trại chăn nuôi gia cầm (1)	20.079.500.508	20.079.500.508
- Dự án tại Nà Mo, Mai Châu, Hòa Bình	6.000.000.000	6.000.000.000
- Dự án nhà xưởng SX đồ gỗ tại Sơn Tây, Hà Nội	6.033.180.000	6.033.180.000
- Xây dựng nâng cấp nhà xưởng SX gỗ tại Đông Sơn, Chương Mỹ	17.319.297.952	2.741.474.298
- Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Jade De Mai Châu - The Legends	15.875.524.425	1.718.059.671
- Tổ hợp nhà máy SX gỗ BKG Việt Nam (2)	15.350.551.961	15.272.823.972
- Dự án khác	35.851.967	10.876.161
Cộng	**80.693.906.813**	**51.855.914.610**

(1): Hệ thống trang trại gồm 3 chuồng nuôi gà, nhà văn phòng và tài sản khác tại Thôn Lão Nội, Xã Phú Lão, Huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình. Giấy phép xây dựng số 16/GPXD do UBND huyện Lạc Thủy cấp ngày 14 tháng 09 năm 2018.

(2): Số tiền đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí pháp lý đến ngày 31/12/2022 của dự án Tổ hợp nhà máy sản xuất gỗ BKG Việt Nam, theo Quyết định chủ trương đầu tư số 74/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Hòa Bình về việc chấp thuận nhà đầu tư Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ thực hiện dự án Tổ hợp sản xuất gỗ BKG Việt Nam:

+ Mục tiêu dự án: Đầu tư đồng bộ các nhà máy SX ván ép, sản xuất gỗ thanh nguyên liệu và gỗ nội thất...
+ Địa chỉ: xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình
+ Tổng diện tích: 242.281,6 m2
+ Thời gian hoạt động dự án: 50 năm;

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	**271.482.263**	**326.375.645**
- Công cụ dụng cụ	1.081.392	88.109.263
- Chi phí chờ phân bổ	270.400.871	238.266.382
Cộng	**271.482.263**	**326.375.645**
b. Dài hạn	**174.059.442**	**1.403.536.880**
- Công cụ dụng cụ	163.176.286	1.386.424.329
- Chi phí dài hạn khác chờ phân bổ	10.883.156	17.112.551
Cộng	**445.541.705**	**1.729.912.525**

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây ăn quả lâu năm	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	**595.338.895**	**28.724.872.851**	**5.606.244.363**	**794.622.894**	**8.210.715.199**	**43.931.794.202**
- Mua trong năm	-	407.500.000	-	160.937.294	-	568.437.294
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Góp vốn bằng tài sản	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	**595.338.895**	**29.132.372.851**	**5.606.244.363**	**955.560.188**	**8.210.715.199**	**44.500.231.496**
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	**162.527.670**	**20.668.547.693**	**3.348.947.215**	**444.203.987**	**1.008.944.773**	**25.633.171.338**
- Khấu hao trong năm	52.421.715	3.283.996.934	565.515.185	140.488.450	766.100.633	4.808.522.917
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Góp vốn bằng tài sản	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	**214.949.385**	**23.952.544.627**	**3.914.462.400**	**584.692.437**	**1.775.045.406**	**30.441.694.255**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	432.811.225	8.056.325.158	2.257.297.148	350.418.907	7.201.770.426	18.298.622.864
Tại ngày cuối năm	**380.389.510**	**5.179.828.224**	**1.691.781.963**	**370.867.751**	**6.435.669.793**	**14.058.537.241**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 1.967.679.644 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 14.526.814.501 VND

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	42.430.970.250			**42.430.970.250**
- Mua trong năm				-
- Giảm khác				-
Số cuối năm	**42.430.970.250**	**-**	**-**	**42.430.970.250**
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm				-
- Khấu hao trong năm				-
- Giảm khác				-
Số cuối năm	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	42.430.970.250	-	-	42.430.970.250
Tại ngày cuối năm	**42.430.970.250**	**-**	**-**	**42.430.970.250**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND -
- Giá trị TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND -

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Cơ sở hạ tầng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	24.840.129.972			**24.840.129.972**
- Mua trong năm				-
- Tăng khác				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
Số cuối kỳ	**24.840.129.972**	**-**	**-**	**24.840.129.972**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	**2.971.670.510**			**2.971.670.510**
- Khấu hao trong năm	887.147.472			887.147.472
- Tăng khác				-
- Thanh lý nhượng bán				-
- Giảm khác				-
Số cuối năm	**3.858.817.982**	**-**	**-**	**3.858.817.982**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	21.868.459.462	-	-	21.868.459.462
Tại ngày cuối năm	**20.981.311.990**	**-**	**-**	**20.981.311.990**

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐS đầu tư đang thế chấp đảm bảo các khoản vay: VND
- Nguyên giá BĐS đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	**15.643.272.000**	**15.643.272.000**	**15.643.272.000**	**15.694.272.000**	**15.694.272.000**	**15.694.272.000**
- Vay ngắn hạn	**14.949.000.000**	**14.949.000.000**	**14.949.000.000**	**15.000.000.000**	**15.000.000.000**	**15.000.000.000**
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- CN Chương Mỹ Hà Tây (1)	14.949.000 000	14.949.000.000	14.949.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	**694.272.000**	**694.272.000**	**694.272.000**	**694.272.000**	**694.272.000**	**694.272.000**
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - CN Đông Đô - PGD Văn Quán (2)	180.000 000	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank) - CN Hà Nội (2)	412.512.000	412.512.000	412.512.000	412.512.000	412.512.000	412.512.000
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (4)	101.760.000	101.760.000	101.760.000	101.760.000	101.760.000	101.760.000
b. Vay dài hạn	**607.961.000**	**607.961.000**	**-**	**694.272.000**	**1.302.233.000**	**1.302.233.000**
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - CN Đông Đô - PGD Văn Quán (2)	88.400.000	88.400.000	-	180.000.000	268.400.000	268.400.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank) - CN Hà Nội (3)	214.841.000	214.841.000	-	412.512.000	627.353.000	627.353.000
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (4)	304.720.000	304.720.000	-	101.760.000	406.480.000	406.480.000
Cộng	**16.251.233.000**	**16.251.233.000**	**15.643.272.000**	**16.388.544.000**	**16.996.505.000**	**16.996.505.000**

Thông tin bổ sung cho các khoản vay:

(1) Vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 2206-LAV-202201154 ngày 16/12/2022 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 2112 - BKG - PLHĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022

- Tổng hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 VND.
- Thời hạn cấp tín dụng: 08 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- Mục đích sử dụng: Mua nguyên vật liệu để sản xuất hàng gỗ xuất nhập khẩu, nội thất, hàng gia dụng.
- Lãi suất: Lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm đối với khoản nhận nợ này là: 10,5%/năm. Agribank sẽ áp dụng lãi suất mới mà không cần thông báo hoặc có sự đồng ý của bên vay và ký kết các văn bản sửa đổi khác liên quan đến nội dũng lãi suất nêu trên. Lãi suất quá hạn đối với nợ gốc bằng 120% mức lãi suất cho vay cùng đối tượng, lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 5%/năm đối với số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả.
- Số dư tại 31/12/2023 là: 14.949.000.000 VND

(2) Khoản vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Đông Đô - PGD Văn Quán

- Trong đó nợ vay dài hạn đến hạn trả là 1.500.000.000 VNĐ
- Hợp đồng cho vay số 250620-6292080-01-SME ngày 29/06/2020.
- Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 29/06/2020 đến ngày 29/06/2025
- Số tiền vay: 898.400.000 VND.
- Lãi suất: 12,2 %/năm.
- Mục đích: Thanh toán một phần tiền mua ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Số dư vay tại 31/12/2023 là: 268.400.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 180.000.000 VND.

(3) Vay Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex (PGBank) chi nhánh Hà Nội

a. HĐTD số 1250924/2017/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 5/6/2017 số tiền là 636.000.000 VND
- Thời hạn vay: 84 tháng.
- Lãi suất: 9,49%/năm trong 18 tháng đầu. Sau 18 tháng, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/ lần.
- Mục đích vay: Vay thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng Kinh tế số 65005/P1 giữa Công ty TNHH Một thành viên Gỗ BKG (Nay là Công ty CP gỗ BKG và Công ty CP kinh doanh ô tô Thủ Đô ký ngày 11/05/2017).
- Bảo đảm tiền vay: Quyền sở hữu và thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ của 01 xe ô tô tải pickup cabin kép, nhãn hiệu FORD, số loại: RANGER BKS: 29C-767.01.
- Dư nợ tại 31/12/2023: 37.812.000 VNĐ
- Trong đó Nợ dài hạn đến hạn trả là: 37.812.000 VND.

b. Hợp đồng tín dụng số 1250218/2019/HĐTD-PN/PGBankHN ngày 01/02/2019;
- Số tiền cho vay: 1.500.000.000 VND
- Thời hạn vay: 84 tháng;
- Lãi suất cho vay: 9,49% tại thời điểm rút vốn, sau 12 tháng được điều chỉnh 3 tháng/lần được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 18 tháng cộng biên độ 4%/năm;
- Mục đích sửa dụng vốn vay: Vay thanh toán tiền mua xe ô tô;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 446.437.000 đồng trong đó nợ đến hạn trả là: 214.284.000 VND

c. Hợp đồng tín dụng số 1252962/2018/HĐTD-DN/PGBankHN; Khế ước nhận nợ số 1252962-01/2018/KUNN-DN/PGBankHN ngày 26/04/2018;
- Số tiền vay: 751.500.000 VND
- Thời hạn cho vay: 84 tháng
- Lãi suất: Theo khế ước nhận nợ;
- Mục đích vay: Vay thanh toán tiền mua xe ô tô;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 35.740.000 VND. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là: 35.740.000 VND

(4) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 2495716.21 ngày 03/12/2021

- Mục đích vay vốn: Vay mua 01 xe ô tô Isuzu Mu-X biển số 28A-141.26 theo Hợp đồng kinh tế số 161/HĐKT-2021 ký ngày 17/11/2021.
- Hạn mức tín dụng: 610.000.000 VND
- Thời hạn cấp tín dụng: Không quá 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
- Thời hạn vay: 72 tháng
- Lãi suất vay: Lãi suất cho vay thả nổi theo từng thời điểm
- Tài sản đảm bảo: 01 xe ô tô Isuzu Mu-X biển số 28A-141.26 thuộc sở hữu của Công ty Jade de Mai Châu
- Số dư tại 31/12/2023: 406.480.000 VND. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả: 101.760.000 VND

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

Ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Lâm nghiệp Hòa Phát	-	-	1.233.825.000	1.233.825.000
Công ty TNHH XNK An Việt Mỹ	1.610.338.704	1.610.338.704	15.772.724.704	15.772.724.704
Công ty TNHH Tâm Điền Tây Yên Tử		-	3.277.372.000	3.277.372.000
Công ty cổ phần Lâm Nghiệp	1.233.825.000	1.233.825.000		-
Các đối tượng khác	2.790.050.681	2.790.050.681	1.503.151.232	1.503.151.232
Cộng	**5.634.214.385**	**5.634.214.385**	**21.787.072.936**	**21.787.072.936**

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	**4.819.323.893**	**4.169.081.194**
- VIDAXL TRADING (HK) LTD		611.252.385
- Hà Thị Yến	3.000.000.000	
- CÔNG TY TNHH WEDECOR	715.076.250	
- Công ty CP Đại Phước Bắc Giang		607.819.095
- Công Ty CP TM UNIK Việt Nam		412.186.000
- Trần Thị Thùy Linh	510.697.868	
- Gaga Corporation	208.480.877	
- Các đối tượng khác	385.068.898	2.537.823.714
Cộng	**4.819.323.893**	**4.169.081.194**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế TNDN (*)	-	6.217.120.514	2.857.179.702	6.238.414.069		2.835.886.147
Các loại thuế khác	1.500.000	63.652.031	220.033.282	283.685.313		-
Phí, lệ phí và các		165.000	300.372.122	300.537.122		-
Cộng	**1.500.000**	**6.280.937.545**	**3.377.585.106**	**6.822.636.504**	**0**	**2.835.886.147**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Số dư đầu kỳ của thuế TNDN có điều chỉnh giảm thuế TNDN 2021 theo ND92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 so với Báo cáo tài chính năm 2022.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	**429.668.098**	**47.465.753**
- Lãi vay	429.668.098	47.465.753
Cộng	**429.668.098**	**47.465.753**

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả khác ngắn hạn	**905.030.820**	**1.640.838.737**
Bảo hiểm xã hội	824.120.954	1.532.698.016
Bảo hiểm y tế	56.739.839	84.016.238
Bảo hiểm thất nghiệp	24.170.027	24.124.483
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	868.000.000
Cộng	**905.030.820**	**2.508.838.737**
b. Dài hạn	-	**100.000.000**
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	100.000.000
Cộng	**905.030.820**	**2.608.838.737**

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**320.000.000.000**	**7.643.746.718**	**73.356.675.841**	**401.000.422.559**
Tăng vốn trong năm trước	361.999.830.000			361.999.830.000
Lãi/ (lỗ) trong năm trước		410.164.367	26.214.476.730	26.624.641.097
Tăng khác		144.951.316.479		144.951.316.479
Giảm vốn trong năm trước				-
Phân phối lợi nhuận				-
Chia cổ tức			(62.867.830.000)	(62.867.830.000)
Giảm khác				-
Số dư cuối năm trước	**681.999.830.000**	**153.005.227.564**	**36.703.322.571**	**871.708.380.135**
Số dư đầu năm nay	**681.999.830.000**	**153.005.227.564**	**36.703.322.571**	**871.708.380.135**
Tăng vốn trong năm này				-
Lãi/ (lỗ) trong năm này		229.799.895	10.540.548.000	10.770.347.895
Tăng khác				-
Phân phối lợi nhuận				-
Chia cổ tức			(598.000.000)	(598.000.000)
Số dư cuối năm	**681.999.830.000**	**153.235.027.459**	**46.645.870.571**	**881.880.728.030**

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Ông Trần Công Thành	126.500.000.000	18,55%	126.500.000.000	18,55%
- Ông Nguyễn Văn Hưng	102.300.000.000	15,00%	102.300.000.000	15,00%
- Các cổ đông khác	453.199.830.000	66,45%	453.199.830.000	66,45%
Cộng	**681.999.830.000**	**100%**	**681.999.830.000**	**100%**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	681.999.830.000	320.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	300.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	**681.999.830.000**	**620.000.000.000**

d. Cổ phiếu	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.199.983	62.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	68.199.983	62.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*68.199.983*	*62.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	68.199.983	62.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*68.199.983*	*62.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	**Số đầu năm**
Ngoại tệ các loại		
Đồng đô la Mỹ (USD)	4.304,64	5.601,60

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	**146.760.125.704**	**328.739.368.546**
+ Doanh thu nguyên liệu từ gỗ	*86.468.445.566*	*74.612.021.000*
+ Doanh thu bán ván ghép thanh, ván ghép coppha	*60.288.800.138*	*158.548.594.652*
+ Doanh thu bán hàng hóa khác	*2.880.000*	*2.905.302.510*
+ Doanh thu bán thức ăn chăn nuôi	-	*92.673.450.384*
- Doanh thu bán thành phẩm nội thất, nông nghiệp	*37.879.413.132*	54.339.761.583
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	*1.534.211.444*	3.165.011.335
Cộng	**186.173.750.280**	**386.244.141.464**

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán	52.637.187	1.257.191.619
- Hàng bán bị trả lại		
- Thuế bảo vệ môi trường		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
Cộng	**52.637.187**	**1.257.191.619**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn bán hàng hàng hóa	**132.521.447.085**	**295.437.161.046**
+ *Giá vốn nguyên liệu từ gỗ*	*79.503.720.244*	62.969.591.775
+ *Giá vốn bán ván ghép thanh, ván ghép coppha*	*53.017.699.847*	148.135.828.096
+ *Giá vốn bán hàng hóa khác*	*26.994*	1.878.652.511
+ *Giá vốn bán thức ăn chăn nuôi*	-	82.453.088.664
- Giá vốn bán thành phẩm nội thất, nông nghiệp	*27.724.500.298*	45.253.989.012
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	*1.576.025.493*	2.343.689.120
Cộng	**161.821.972.876**	**343.034.839.178**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	146.781.602	568.617.349
- Chênh lệch tỷ giá	8.749.685	39.253.344
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.540.000.000	1.320.000.000
- Khác	-	
Cộng	**1.695.531.287**	**1.927.870.693**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.662.374.619	2.340.217.489
- Trích lập dự phòng các khoản đầu tư	-	
- Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	1.671.655	
- Khác		52.041.005
Cộng	**1.664.046.274**	**2.392.258.494**

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	-	967.009
- Chi phí nhân công	1.985.258.444	1.460.918.014
- Chi phí khấu hao	23.096.664	23.096.667
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.664.426.991	1.687.894.885
- Chi phí khác bằng tiền	39.802.310	82.541.504
Cộng	**3.712.584.409**	**3.255.418.079**

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	236.195.587	294.443.014
- Chi phí nhân công	1.966.959.921	2.105.721.475
- Chi phí khấu hao	738.661.346	924.270.675
- Chi phí dự phòng	1.650.935.992	
- Thuế, phí, lệ phí	23.000.000	24.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.724.264.386	2.630.255.123
- Chi phí khác bằng tiền	116.942.539	103.307.481
Cộng	**6.456.959.771**	**6.081.997.768**

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thu nhập khác	29.177.211	10.859.587
Cộng	**29.177.211**	**10.859.587**

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	305.241.046	356.648.765
- Khác	257.489.616	50.860
Cộng	**562.730.662**	**356.699.625**

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	2.857.179.702	5.464.035.129
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước vào chi phí thuế thu nhập năm nay		
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**2.857.179.702**	**5.464.035.129**

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	10.540.548.000	25.930.267.484
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.540.548.000	25.930.267.484
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	68.199.983	55.092.602
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**155**	**471**

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	25.802.623.201	24.453.726.158
- Chi phí nhân công	6.304.324.876	5.566.728.307
- Chi phí khấu hao	6.445.686.054	5.067.203.026
- Thuế, phí, lệ phí	1.160.758.778	1.601.657.044
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.899.895.109	3.781.761.530
- Chi phí khác bằng tiền	116.942.539	185.848.985
Cộng	**43.730.230.557**	**40.656.925.050**

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Tài sản tài chính	**Giá gốc**	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.229.214.294		29.482.041.128	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	163.752.837.408	(1.650.935.992)	269.807.129.578	-
Cộng	**244.982.051.702**	**(1.650.935.992)**	**299.289.170.706**	**-**

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	16.251.233.000	16.996.505.000
Phải trả người bán, phải trả khác	6.539.245.206	24.395.911.673
Chi phí phải trả	429.668.098	47.465.753
Cộng	**23.220.146.304**	**41.439.882.426**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.229.214.294			81.229.214.294
Phải thu khách hàng, phải thu khác	163.698.331.617	54.505.791		163.752.837.408
Cộng	**244.927.545.911**	**54.505.791**	**-**	**244.982.051.702**
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.482.041.128			29.482.041.128
Phải thu khách hàng, phải thu khác	269.807.129.578	-		269.807.129.578
Cộng	**299.289.170.706**	**-**	**-**	**299.289.170.706**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	15.643.272.000	607.961.000		16.251.233.000
Phải trả người bán, phải trả	6.539.245.206	-		6.539.245.206
Chi phí phải trả	429.668.098	-		429.668.098
Cộng	**22.612.185.304**	**607.961.000**	**-**	**23.220.146.304**
Số đầu năm				
Vay và nợ	15.694.272.000	1.302.233.000		16.996.505.000
Phải trả người bán, phải trả	24.295.911.673	100.000.000		24.395.911.673
Chi phí phải trả	47.465.753	-		47.465.753
Cộng	**40.037.649.426**	**1.402.233.000**	**-**	**41.439.882.426**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động bán thành phẩm	Hoạt động khác	Tổng
Doanh thu thuần ra bên	146.707.488.517	37.879.413.132	1.534.211.444	186.121.113.093
Chi phí bộ phận	132.521.447.085	27.724.500.298	1.576.025.493	161.821.972.876
Kết quả kinh doanh bộ	**14.186.041.432**	**10.154.912.834**	**(41.814.049)**	**24.299.140.217**
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				**10.169.544.180**
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				14.129.596.037
Doanh thu hoạt động tài chính				1.695.531.287
Chi phí tài chính				1.664.046.274
Thu nhập khác				29.177.211
Chí phí khác				562.730.662
Thuế TNDN hiện hành				2.857.179.702
Lợi nhuận sau thuế				**10.770.347.897**

37. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Trần Công Thành	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hưng	Tổng Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc Công ty
Ông Đặng Phước Đức	Trưởng ban kiểm soát
Ông Tạ Quang Dũng	TV Ban Kiểm soát

b. Giao dịch với bên liên quan

- Giao dịch phát sinh trong năm

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Góp vốn		
Ông Trần Công Thành		55.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Hưng		45.000.000.000
Thoái vốn	-	
Ông Nguyễn Minh Hải		7.500.000.000

- Thu nhập hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc, ban kiểm soát

		Năm nay
		VND
Ông Nguyễn Văn Hưng	Tổng Giám đốc	141.222.849
Ông Đặng Phước Đức	TB Kiểm soát	120.534.805
Ông Tạ Quang Dũng	TV Ban Kiểm soát	92.092.841

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Ban điều hành Công ty CP Đầu tư BKG Việt Nam đã trình bày lại một số khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 do Công ty chưa ghi nhận phần thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2021 được giảm theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021. Chi tiết như sau:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31/12/2022

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số điều chỉnh lại	Chênh lệch
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.565.146.791	6.280.937.545	(284.209.246)
LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a	10.488.845.841	10.979.271.469	490.425.628
LNST chưa phân phối đến cuối kỳ này	421b	25.930.267.484	25.724.051.102	(206.216.382)

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Lương Bảo Ngọc	Phạm Lương Bảo Ngọc	Nguyễn Văn Hưng

BKG VIETNAM

Gửi gắm niềm tự hào trong từng sản phẩm

Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, Đ. Tố Hữu,
KĐT Văn Khê, phường La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
(024) 2283 2468
Info@BKGVietnam.com